



CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

(Thứ Ba, ngày 30/6/2026

tại văn phòng Công ty, số 1230 Kha Vạn Cân, phường Linh Xuân, TP Hồ Chí Minh)

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH	THỰC HIỆN	Thời gian dự kiến
I. Thủ tục khai mạc 1. Tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự 2. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội 3. Thông qua quy chế làm việc và biểu quyết 4. Giới thiệu và thông qua thành phần Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban Kiểm Phiếu 5. Thông qua chương trình Đại hội	Ban tổ chức Đại hội	8h30 – 9h00
II. Nội dung Đại hội		09h00
1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch nhiệm vụ năm 2026 2. Báo cáo của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 3. Tờ trình dự kiến phân phối lợi nhuận 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 4. Tờ trình về báo cáo thù lao thành viên HĐQT, thành viên BKS, Người phụ trách quản trị Công ty năm 2025 và Kế hoạch thù lao thành viên HĐQT, thành viên BKS, Người phụ trách quản trị Công ty năm 2026 5. Tờ trình về báo cáo các giao dịch với các bên liên quan đã được HĐQT phê duyệt.	Phó Tổng giám đốc – ông Nguyễn Anh Tuấn Thành viên HĐQT – ông Trịnh Đặng Khánh Toàn	09h00 – 9h30
6. Báo cáo của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 7. Tờ trình đề xuất lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 8. Kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025	Trưởng Ban kiểm soát – ông Hoàng Hùng Phó Phòng TCKT – ông Nguyễn Tường Pha	09h30 – 10h10
9. Báo cáo kết quả triển khai các nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua 10. Thảo luận, giải đáp các ý kiến cổ đông	Phó Chủ tịch HĐQT – ông Trần Hoàng Ngân Đoàn chủ tọa	10h10 – 10h30
11. Biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 12. Bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát bổ sung nhiệm kỳ 2023 – 2028 12.1 Thông qua Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 12.2 Giới thiệu và thông qua Danh sách ứng viên bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 12.3 Thực hiện Bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thành	Trưởng Ban Kiểm phiếu - Ông Trần Hiếu Ban tổ chức Đại hội	10h30 – 11h00

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH	THỰC HIỆN	Thời gian dự kiến
viên Ban kiểm soát bổ sung nhiệm kỳ 2023 – 2028		
13. Hội nghị giải lao		11h00 – 11h20
14. Công bố kết quả kiểm phiếu bầu quyết và kết quả kiểm phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát bổ sung nhiệm kỳ 2023 – 2028	Ban kiểm phiếu	11h20 – 11h35
III. Tổng kết Đại hội 1. Đọc Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội 2. Biểu quyết thông qua Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội 3. Bế mạc Đại hội	Ban thư ký Đoàn Chủ tịch	11h35 – 11h55

Nơi nhận:

- ĐHCĐ thường niên 2026;
- HĐQT;
- BKS;
- Ban TGD;
- Lưu: VT, Thư ký.



Lưu Thị Tuyết Mai



QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM COLUSA - MILIKET

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Colusa - Miliket;
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Colusa - Miliket.

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Colusa - Miliket diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội để Đại hội đồng cổ đông thông qua như sau:

1. MỤC ĐÍCH

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Colusa - Miliket diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng, quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI

- Đối tượng: Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) và khách mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Colusa - Miliket đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- Phạm vi áp dụng: Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Colusa - Miliket.

3. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ/TỪ VIẾT TẮT

- Công ty : Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Colusa - Miliket
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban Kiểm soát
- Kiểm soát viên : Thành viên Ban Kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức



-
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
 - Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)
 - Đại hội : Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

4. NỘI DUNG QUY CHẾ

4.1 Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4.2 Điều kiện cổ đông tham dự Đại hội

Các cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách chốt tại ngày 01/6/2026 đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ; có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được uỷ quyền theo quy định của pháp luật thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện.

4.3 Khách mời tại Đại hội

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.
- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (*trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý*).

4.4 Đại biểu tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định sau:

- Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ việc kiểm tra an ninh (nếu có), giấy tờ tùy thân .v.v...theo yêu cầu của Ban tổ chức Đại hội.
- Nhận hồ sơ tài liệu, giấy tờ phục vụ Đại hội tại bộ phận đón tiếp trước hội trường Đại hội.
- Đại biểu đến muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho đại biểu đến muộn đăng ký tham dự; kết quả biểu quyết các vấn đề đã được tiến hành biểu quyết trước khi đại biểu đó đến tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
- Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài đàm thoại.
- Không hút thuốc lá, giữ trật tự trong phòng Đại hội.
- Tuân thủ các quy định của Ban tổ chức, của Chủ tọa điều hành Đại hội.
- Trường hợp có đại biểu không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất đại biểu nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

4.5 Chủ tọa và Đoàn chủ tọa

- Đoàn chủ tọa gồm Chủ tọa và các Thành viên.
- Chủ tịch HĐQT làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do HĐQT triệu tập;
- Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;
- Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.
- Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp.
- Nhiệm vụ của Đoàn chủ tọa:
 - Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
 - Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
 - Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
- Nguyên tắc làm việc của Đoàn chủ tọa: Đoàn chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

4.6 Thư ký Đại hội

- Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp.
- Nhiệm vụ và quyền hạn:
 - Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
 - Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của Đại biểu;
 - Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
 - Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tọa.

0451
ÔNG
CỔ PH.
THỰC TH
JSA-MI
N-TP

4.7 Ban Kiểm phiếu

- Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban Kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. Các ứng viên tham gia ứng cử, đề cử (khi thực hiện bầu cử) không được tham gia vào Ban Kiểm phiếu.
- Nhiệm vụ của Ban Kiểm phiếu:
 - Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết, bầu cử.
 - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết, bầu cử hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết, bầu cử;
 - Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa.

4.8 Ban Kiểm tra tư cách đại biểu

- Ban Kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên, do Chủ tọa giới thiệu đến Đại hội.
- Nhiệm vụ của Ban Kiểm tra tư cách đại biểu:
 - Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
 - Trưởng Ban Kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

4.9 Phát biểu tại Đại hội

- Đại biểu tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội. Đại biểu phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua hoặc gửi ý kiến bằng văn bản cho Thư ký Đại hội tổng hợp báo cáo Chủ tọa.
- Chủ tọa Đại hội sẽ sắp xếp cho đại biểu phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông tại Đại hội hoặc ghi nhận trả lời sau bằng văn bản.

4.10 Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

4.10.1 Nguyên tắc

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.
- Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHĐCĐ). Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.
- Chủ tọa đề xuất các hình thức biểu quyết đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình để Đại hội thông qua.
- Hình thức biểu quyết như sau:
 - Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; Nhân sự Đoàn chủ tọa;

Nhân sự Ban Kiểm phiếu; thông qua Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác tại Đại hội (nếu có);

- Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề: Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026; Báo cáo của Hội đồng quản trị tại Đại hội; Báo cáo Ban Kiểm soát tại Đại hội; Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025; Báo cáo kết quả triển khai các nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua và biểu quyết thông qua nội dung các Tờ trình tại Đại hội.

4.10.2 Cách thức biểu quyết

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại Mục 4.10.1.
- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không có ý kiến vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban Kiểm tra tư cách đại biểu/Ban Kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến và Không hợp lệ.
- Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, Đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban Kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

4.10.3 Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ** là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC Đại hội phát ra, có đóng dấu đỏ của Công ty, không tẩy xoá, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (Báo cáo, Tờ trình) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

- **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:**

- Ghi thêm nội dung khác vào phiếu biểu quyết;
- Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC Đại hội phát ra, phiếu không có dấu đỏ của

Công ty hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, phiếu không có chữ ký, không ghi đầy đủ họ tên của đại biểu, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

4.10.4 Thẻ lệ biểu quyết

Cứ 01 (một) cổ phần phổ thông tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 01/6/2026) tổng số cổ phần của Công ty là: 4.800.000 cổ phần tương đương với 4.800.000 quyền biểu quyết.
- Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 1 Điều 21 Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.
- Lưu ý:
 - Cổ đông/đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất (theo Khoản 4, Điều 167, Luật Doanh nghiệp 2020).
 - Cổ đông/ đại diện ủy quyền cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với cổ đông đó (theo Điểm b, Khoản 3 và Khoản 4, Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020).

4.10.5 Ghi nhận kết quả biểu quyết

- Tại Đại hội, Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua Ban Kiểm phiếu để ghi nhận kết quả biểu quyết.
- Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ thu phiếu biểu quyết.
- Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận, thống kê và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

4.11 Bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028

Việc bầu cử thành viên HĐQT, thành viên BKS phải được thực hiện theo Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, Thành viên BKS và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua tại đại hội.

4.12 Biên bản, Nghị Quyết họp ĐHĐCĐ

Tất cả các nội dung tại Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được Thư ký Đại Hội ghi vào Biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại Hội.

5. Thực hiện

- Tất cả các đại biểu, người đại diện, khách mời tham dự Đại hội có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các nội dung đã quy định tại Quy chế này, các quy định, nội quy, quy chế quản lý hiện hành của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.
- Người triệu tập ĐHĐCĐ có quyền:
 - Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
 - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Các nội dung không được quy định chi tiết tại quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước .

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ Công ty biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2026;
- HĐQT;
- BKS;
- Ban TGD;
- Lưu: VT, Thư ký.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA



Lưu Thị Tuyết Mai



CÔNG TY CỔ PHẦN
LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM
COLUSA - MILIKET

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 01/BC-CM-TGD

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
V/v: kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025
Kế hoạch nhiệm vụ năm 2026

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Thực hiện nhiệm vụ của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Lương Thực Thực Phẩm Colusa - Miliket về việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025, xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty Cổ phần Lương Thực Thực Phẩm Colusa - Miliket, Tổng Giám đốc báo cáo tới Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025, kế hoạch nhiệm vụ năm 2026 như sau:

I. TÌNH HÌNH CHUNG:

1. Bối cảnh kinh tế vĩ mô và thị trường:

- Năm 2025 là một năm tiếp tục chứng kiến nhiều biến động sâu sắc của tình hình thế giới và khu vực. Các xung đột địa chính trị kéo dài, cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc ngày càng phức tạp, chính sách thương mại và thuế quan của một số quốc gia lớn thay đổi bất định đã tác động mạnh đến chuỗi cung ứng toàn cầu và thị trường hàng hóa quốc tế. Nhiều nền kinh tế chủ chốt đối mặt với áp lực lạm phát cao, tốc độ phục hồi chậm, mức độ rủi ro và bất ổn tăng lên, làm suy giảm niềm tin thị trường và ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động giao thương, đầu tư và sản xuất của doanh nghiệp toàn cầu.

- Đối với nước ta, dưới sự lãnh đạo sát sao của Đảng và sự điều hành quyết liệt của Chính phủ, kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực, lạm phát được kiểm soát. Tăng trưởng GDP cả nước cả năm đạt 8,02%. Lạm phát cơ bản tăng 3,21%. GDP bình quân đầu người đạt 5.026 USD, trở thành nước có thu nhập trung bình cao.

2. Thuận lợi:

- Trong năm 2025, dưới sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị trong việc hoạch định chiến lược đúng hướng, Ban điều hành Công ty bản lĩnh, năng động, nhạy bén, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, đã có những quyết sách kịp thời, chính xác, phù hợp với tình hình thực tế và quan trọng nhất là phát huy được tinh thần đoàn kết, sự ủng hộ, đồng lòng của tập thể người lao động trong Công ty, biến thách thức, khó khăn thành cơ hội thực hiện hoàn thành nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao.

- Công ty luôn liên tục chọn lọc nguồn nguyên vật liệu đầu vào đảm bảo các tiêu chuẩn khắt khe nhất theo các tiêu chuẩn chất lượng quốc tế (ISO, HACCP, FSSC), tăng cường sử dụng các nguồn nguyên liệu nhập khẩu đưa vào sản xuất để nâng cao chất lượng sản phẩm.

3. Khó khăn:

- Tình trạng máy móc thiết bị đã cũ (trên 20 năm), thường xuyên hư hỏng không đồng bộ, gây áp lực lên giá thành sản phẩm.

- Thêm vào đó, việc điều chỉnh đơn giá thuê đất năm 2025 và yêu cầu nộp bổ sung tiền thuê đất giai đoạn 2015-2020 với tổng chi phí khoảng 10,5 tỷ đồng đã ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả lợi nhuận.

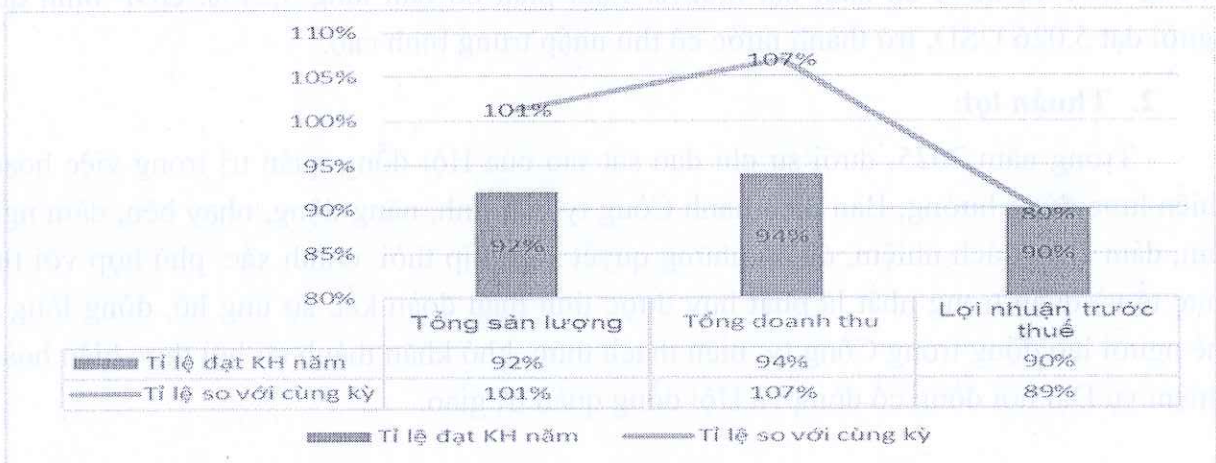
II. CÁC CÔNG TÁC ĐÃ THỰC HIỆN TRONG NĂM 2025:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2025:

TT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện năm 2025			So sánh cùng kỳ 2024		
			KH năm	TH năm	Tỷ lệ đạt/KH	TH năm	Tỷ lệ tăng trưởng	Chênh lệch (2025 – 2024)
1	Tổng sản lượng	Tấn	19.000	17.454	92%	17.225	+1%	+229
2	Tổng doanh thu	Tỷ VND	868,7	813	94%	760,0	+7%	+53
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VND	29,0	26,0	90%	29,2	-11%	-3,2

Ghi chú: đối với chỉ tiêu lợi nhuận thực hiện đạt 90% kế hoạch năm 2025, giảm 11% so với cùng kỳ năm 2024 là do Công ty bị Nhà nước điều chỉnh đơn giá thuê đất năm 2025 (tại mặt bằng 1230 Kha Vạn Cân, 03 Tô Vĩnh Diện và 1374 Võ Văn Kiệt) và yêu cầu nộp bổ sung tiền thuê đất giai đoạn 2015-2020 tại mặt bằng 1230 Kha Vạn Cân với tổng chi phí 10,492,991,871 đồng. Nếu không phải thực hiện nghĩa vụ tài chính này đối với Nhà nước thì chỉ tiêu lợi nhuận năm 2025 sẽ đạt mức 36,5 tỷ đồng (đạt 126% kế hoạch năm 2025, tăng 25% so với cùng kỳ 2024).

Biểu đồ so sánh Tỷ lệ đạt KH năm 2025, so với cùng kỳ năm 2024



2. Công tác quản trị điều hành chung

- Quyết liệt tái cơ cấu sản xuất và bảo vệ bí mật công nghệ, ngừng toàn bộ hoạt động sản xuất gia công tại khu vực Miền Bắc từ tháng 6/2025 nhằm ngăn ngừa rủi ro lộ bí mật công nghệ và khắc phục tình trạng sụt giảm chất lượng sản phẩm từ đơn vị gia công, chuyển toàn bộ sản lượng về nhà máy Miền Nam để đảm bảo uy tín thương hiệu.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số và hiện đại hóa quản trị: vận hành hiệu quả hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp SAP Business One, giúp tự động hóa quy trình làm việc và phân tích dữ liệu tồn kho chính xác.

- Chiến lược Marketing và định vị thương hiệu hiện đại: Công ty đã chuyển dịch từ quảng bá truyền thống sang các chương trình marketing quy mô, kết hợp với các đối tác chiến lược tại các sự kiện lớn như Sport Festival 2025, Triển lãm 80 năm hành trình Độc lập, và lễ hội âm nhạc HOZO. Tận dụng các nền tảng mạng xã hội (TikTok, Facebook) để tạo "hot trend" cho các sản phẩm mới (Mì trộn, Mì matcha), giúp thương hiệu tiếp cận hiệu quả thế hệ khách hàng trẻ mà không tốn nhiều chi phí quảng cáo trực tiếp.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả đạt được:

- Sự chuyển dịch cơ cấu nhãn hàng đúng hướng: Công ty đã mạnh dạn cắt giảm các nhóm sản phẩm có sản lượng lớn nhưng biên lợi nhuận thấp (như mì ký) để tập trung nguồn lực vào các dòng sản phẩm cao cấp (mì ly, tô, mì cao cấp) và các sản phẩm sau gạo. Chiến lược này không chỉ giúp tăng trưởng doanh thu (đạt 107% so với cùng kỳ) mà còn nâng cao giá trị thương hiệu Colusa – Miliket.

- Điểm sáng trong hoạt động xuất khẩu: Đây là động lực tăng trưởng chính của Công ty với mức vượt kế hoạch 22,6% về sản lượng. Việc khai thác thành công các đơn hàng lớn sang Mỹ (phở tô) và thâm nhập vào các thị trường đòi hỏi tiêu chuẩn khắt khe (Halal, Kosher) đã tạo tiền đề vững chắc cho việc mở rộng quy mô quốc tế.

- Đổi mới công tác Marketing và hình ảnh thương hiệu: Thông qua việc đồng hành tại các sự kiện văn hóa, thể thao lớn (HOZO, Sport Festival) và hiệu ứng tự nhiên từ mạng xã hội, hình ảnh Công ty đã tiếp cận mạnh mẽ tới đối tượng khách hàng trẻ. Thương hiệu Colusa – Miliket được nhận diện gắn liền với các tiêu chí sản phẩm xanh, thân thiện môi trường.

- Quản trị vận hành quyết liệt và linh hoạt: Ban Điều hành đã chủ động dừng gia công tại Miền Bắc để bảo vệ bí mật công nghệ và kiểm soát chất lượng tuyệt đối. Việc vận hành hệ thống SAP giúp công tác quản lý chuyên nghiệp, minh bạch và tối ưu hóa quy trình cung ứng.

2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Hạn chế và tồn tại:

- Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế không đạt kế hoạch đề ra (chỉ đạt 90% KH).

- Hệ thống máy móc, thiết bị đã quá cũ (trên 20 năm), thường xuyên hư hỏng, dẫn đến chi phí bảo trì cao và tiềm ẩn rủi ro về an toàn lao động.

- Hạ tầng nhà xưởng còn hạn chế, diện tích kho nhỏ.

2.2. Nguyên nhân khách quan:

- Biến động địa chính trị thế giới làm tăng chi phí vận tải và giá nguyên vật liệu đầu vào.

- Chính sách điều chỉnh đơn giá thuê đất và truy thu tiền thuê đất của Nhà nước phát sinh đột biến khoảng 10,5 tỷ đồng đã trực tiếp làm giảm lợi nhuận của Công ty.

2.3. Nguyên nhân chủ quan:

- Việc khai thác công suất thiết bị đã đạt ngưỡng tối đa, gây khó khăn trong việc tiếp nhận thêm các đơn hàng xuất khẩu lớn vào những thời điểm cao điểm.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2026:

1. Nhận định tình hình chung:

Năm 2026, bối cảnh quốc tế được dự báo tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tới chuỗi cung ứng và thị trường tiêu thụ toàn cầu. Cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc có xu hướng duy trì, những chính sách bảo hộ thương mại và điều chỉnh thuế quan có thể tái xuất hiện theo chu kỳ, tạo áp lực cho xuất nhập khẩu và giá nguyên liệu.

Trong nước, nền kinh tế được dự báo tiếp tục duy trì xu hướng phục hồi bền vững nhưng với tốc độ có thể chậm lại so với năm 2025 do ảnh hưởng gián tiếp từ môi trường quốc tế

Colusa – Miliket sẽ hoạt động trong môi trường có cả rủi ro (biến động giá nguyên liệu, cạnh tranh, rào cản thương mại) và cơ hội (tăng cầu nội địa, yêu cầu sản phẩm có giá trị gia tăng, chuyển đổi số). Vì vậy, phương hướng năm 2026 phải linh hoạt, chủ động phòng ngừa rủi ro, đồng thời phát triển các thế mạnh cạnh tranh bền vững.

Trên cơ sở đó, Công ty đề ra kế hoạch nhiệm vụ trong năm 2026 như sau:

STT	Diễn giải	ĐVT	TH năm 2025	KH năm 2026	Tỉ lệ tăng trưởng
1	Tổng Sản lượng	Tấn	17.454	17.500	+0,3%
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	813	863,5	+6,2%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	26	29	+11,5%

2. Các mục tiêu trọng tâm trong năm 2026:

- Tiếp tục cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm, ứng dụng khoa học công nghệ để đưa ra các sản phẩm có chất lượng tốt, thân thiện với môi trường.
- Tập trung phát triển các kênh bán hàng hiện đại, nhằm nâng cao vị thế các sản phẩm Colusa – Miliket trên thị trường, song song với việc duy trì các giá trị truyền thống của Công ty. Nâng cao chất lượng của đội ngũ bán hàng theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại.
- Tiếp tục mở rộng thị trường Xuất khẩu, trong đó đặc biệt chú trọng việc trực tiếp đưa các sản phẩm Colusa – Miliket sang thị trường Thế giới.
- Thực hiện mục tiêu đầu tư, di dời nhà máy sản xuất tại Miền Nam theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty.

Trên đây là báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tới Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông TN 2026;
- Hội đồng Quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Tổng giám đốc;
- Lưu: VT.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Hoàng Ngân

Số: 02/BC-CM-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 6 năm 2026

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

***Kính gửi:* ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản trị tại Công ty Cổ Phần Lương Thực Thực Phẩm Colusa - Miliket về việc xem xét, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025, kế hoạch năm 2026 tại Công ty Cổ phần Lương Thực Thực Phẩm Colusa - Miliket, Chủ tịch Hội đồng quản trị báo cáo tới Đại hội đồng cổ đông các nội dung sau:

I. VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và hỗ trợ thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Chi tiết thống kê các phiên họp HĐQT: Tổng số buổi họp: 07 buổi

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ	Lý do
01	Lưu Thị Tuyết Mai	CT HĐQT	7/7	100%	
02	Trần Hoàng Ngân	PCT HĐQT	7/7	100%	
03	Hoàng Ngọc Thanh	TV HĐQT	7/7	100%	
04	Trịnh Đăng Khánh Toàn	TV HĐQT	7/7	100%	
05	Vũ Anh Tuấn	TV HĐQT	7/7	100%	

Nội dung các cuộc họp trong năm 2025 của Hội đồng quản trị đã được công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

2. Các giao dịch giữa Công ty với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó:

Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện các Hợp đồng / giao dịch giữa Công ty và các bên liên quan để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng

ngày với giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong Báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất.

Các nội dung này đã được Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

3. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị: tại thời điểm lập báo cáo này, nhân sự Hội đồng quản trị có sự thay đổi. Ông Vũ Anh Tuấn – thành viên Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm ngày 27/3/2026 theo Đơn từ nhiệm.

4. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị:

STT	Họ tên	Chức vụ	Tổng lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích (VNĐ)
1	Lưu Thị Tuyết Mai	Chủ tịch HĐQT	319 triệu đồng
2	Trần Hoàng Ngân	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1,79 tỷ đồng
3	Hoàng Ngọc Thanh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	1,1 tỷ đồng
4	Vũ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	216 triệu đồng
5	Trịnh Đăng Khánh Toàn	Thành viên HĐQT	216 triệu đồng

5. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác

- Trong năm 2025, Hội đồng Quản trị đã giám sát và chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT. Công tác giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác cho thấy Tổng Giám đốc và người điều hành khác thực hiện công việc trong quyền hạn, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình, và theo các văn bản pháp luật liên quan.

II. VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025:

1. Tình hình thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025:

- Trong năm 2025, nền kinh tế nước ta diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới có triển vọng tiêu cực. Tăng trưởng toàn cầu giảm tốc do chính sách thắt chặt tiền tệ, cuộc chiến ở Ukraine tiếp tục đè nặng lên các hoạt động kinh tế, chính sách thuế quan tại các quốc gia lớn là 1 trở ngại không nhỏ cho nền kinh tế nước ta,

- Trong nước, trong năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp gặp vô vàn khó khăn, đơn hàng sụt giảm. Người tiêu dùng có xu

hướng cắt giảm chi tiêu và thận trọng hơn với các thói quen chi tiêu thường nhật, bao gồm cả các chi tiêu thiết yếu và thực phẩm. Trong khi đó, hầu hết các mặt hàng tiêu dùng đều tăng giá bởi lượng giá nguyên liệu đầu vào cũng tăng liên tục.

- Nhận định được tình hình trong bối cảnh như trên, ngay từ đầu năm 2025, Công ty đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ thúc đẩy bán hàng, thực hiện nhiều chương trình marketing hỗ trợ bán hàng. Đồng thời Công ty đã khai thác thêm được các khách hàng xuất khẩu mới, tăng thêm được sản lượng những khách hàng xuất khẩu cũ, tích cực tham dự các Hội chợ xúc tiến thương mại trong năm 2025 cũng đã góp phần tăng được doanh thu trong năm 2025.

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025:

TT	Diễn giải	Đơn vị	Kế hoạch 2025	TH năm 2025	Tỷ lệ đạt/KH (%)	Cùng kỳ năm 2024	Tỷ lệ TH 2025 so với TH 2024 (%)
1	Tổng sản lượng	Tấn	19.000	17.454	92%	17.225	101%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	868,7	813	94%	760,0	107%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	29,0	26,0	90%	29,2	89%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	23,2	20,0	86%	23,05	87%

Do đã có kế hoạch phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu trong năm 2026, vậy nên đề xuất không chia cổ tức năm 2025 để có nguồn bổ sung cho dự án đầu tư nhà máy mới.

3. Tình hình quản lý nợ phải thu phải trả:

Không để phát sinh công nợ tồn đọng, khó đòi.

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026:

Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026:

STT	Diễn giải	Đơn vị	Kế hoạch năm
01	Sản lượng	Tấn	17.500
02	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	863,5
03	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	29

Đề nghị Ban Lãnh Đạo Công ty:

- Tiếp tục thực hiện quản lý tốt trong công tác sản xuất, thực hiện tốt công tác tiết kiệm, định mức trong sản xuất và đạt được hiệu quả lợi nhuận cao.

- Thực hiện đẩy mạnh hơn nữa trong công tác phát triển thị trường, tập trung làm công tác tiếp thị, quảng bá sản phẩm đến người tiêu dùng nhằm phát triển sản lượng, doanh số.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, theo dõi, giám sát chặt công nợ, hàng hóa bán theo kế hoạch đảm bảo không để phát sinh công nợ tồn đọng.

- Tập trung thực hiện mục tiêu di dời, đầu tư nhà máy sản xuất tại Miền Nam.

Trên đây là báo cáo của hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2026;
- HĐQT;
- BKS;
- Ban TGD;
- Lưu: VT, Thư ký.



**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán hiện hành;
- Căn cứ chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa-Miliket;
- Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán;
- Căn cứ kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát.

Ban Kiểm soát báo cáo các hoạt động trong năm 2025 của Công ty, Hội đồng quản trị và Ban điều hành trước Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa-Miliket (sau đây gọi tắt là “Công ty”) theo những nội dung sau:

1. Nhân sự và hoạt động của Ban Kiểm soát:

- Ban Kiểm soát Công ty gồm 03 (ba) thành viên. Trong năm 2025, thành phần Ban Kiểm soát có biến động và danh sách thành viên Ban Kiểm soát tại ngày lập báo cáo như sau:
 - + Ông Hoàng Hùng - Trưởng ban
 - + Bà Bùi Thị Tuyết Minh - Kiểm soát viên
 - + Ông Phạm Nguyên Bình - Kiểm soát viên. Miễn nhiệm ngày 20/06/2025
 - + Bà Trương Thị Tố Nga - Kiểm soát viên. Bổ nhiệm ngày 20/06/2025 và miễn nhiệm ngày 27/03/2026
- Các hoạt động thường kỳ của Ban Kiểm soát: Ban Kiểm soát đã tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty trong việc quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, bao gồm:
 - + Giám sát việc thực hiện Nghị Quyết Đại hội cổ đông năm 2025, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và tham gia các kỳ họp của Hội đồng quản trị;
 - + Kiểm tra, giám sát quá trình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2025.
 - + Kiểm tra, thẩm định Báo cáo tài chính, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
1	Vốn điều lệ	48.000.000.000	48.000.000.000
2	Tổng tài sản	300.344.738.451	306.827.142.890

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
3	Quỹ đầu tư phát triển	14.361.131.431	12.360.328.878
4	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	179.193.850.000	158.395.622.343
5	Doanh thu bán hàng &CCDV	744.403.717.267	802.181.701.612
6	Các khoản giảm trừ doanh thu	(4.689.578.941)	(4.884.105.078)
7	Doanh thu thuần bán hàng &CCDV	739.714.138.326	797.297.596.534
8	Giá vốn hàng bán	534.814.779.504	585.639.856.633
9	Lợi nhuận gộp bán hàng &CCDV	204.899.358.822	211.657.739.901
10	Chi phí bán hàng	142.859.175.750	138.083.503.397
11	Chi phí quản lý doanh nghiệp	47.418.453.808	51.438.586.505
12	Doanh thu hoạt động tài chính	15.224.142.697	10.767.180.133
13	Chi phí tài chính <i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	255.021.150 9.266.951	95.570.529 69.260.890
14	Lợi nhuận trước thuế	29.231.014.240	26.002.776.586
15	Thuế TNDN	6.179.233.620	5.981.498.588
15	Lợi nhuận sau thuế	23.051.780.620	20.021.277.998
16	Lãi cơ bản/cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	3.770	3.233

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát:

Stt	Chức vụ	Số lượng	Tổng lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích (VNĐ)
1	Trưởng Ban Kiểm soát	01	276.777.779
2	Thành viên Ban Kiểm soát	02	243.333.332
Tổng cộng		03	520.111.111

4. Các giao dịch giữa Công ty với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó:

Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện các Hợp đồng / giao dịch giữa Công ty và các bên liên quan để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày với giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong Báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất. Các nội dung này đã được Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

5. Thẩm tra Báo cáo tài chính và giám sát công tác công bố thông tin:

- Kiểm tra, giám sát công tác hạch toán kế toán Công ty đảm bảo tuân thủ Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- Xem xét Báo cáo tài chính định kỳ do Ban điều hành cung cấp. Từ đó, thẩm tra việc hạch toán ghi nhận các khoản doanh thu, phân bổ chi phí, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh, tình hình quản lý công nợ và tình hình trích lập các khoản dự phòng theo quy định.
- Báo cáo tài chính phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính và được trình bày theo các mẫu báo cáo quy định của Bộ Tài chính. Ban Kiểm soát thống nhất với các số liệu trong Báo cáo tài chính năm 2025 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC (không có yếu tố bị loại trừ).

- Giám sát chặt chẽ công tác công bố thông tin, đặc biệt là các quy định về công bố thông tin Báo cáo tài chính định kỳ và Báo cáo tình hình quản trị Công ty định kỳ theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty

- Hội đồng quản trị Công ty có 05 (năm) thành viên. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị tại ngày lập báo cáo như sau:
 - + Bà Lưu Thị Tuyết Mai - Chủ tịch HĐQT
 - + Ông Trần Hoàng Ngân - Phó Chủ tịch HĐQT
 - + Ông Hoàng Ngọc Thanh - Thành viên HĐQT
 - + Ông Trịnh Đặng Khánh Toàn - Thành viên HĐQT
 - + Ông Vũ Anh Tuấn - Thành viên HĐQT. Đã miễn nhiệm ngày 27/03/2026.
- Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật trong quản lý điều hành. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thông qua.
- Hội đồng quản trị đã tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và Đại hội đồng cổ đông bất thường vào ngày 27/3/2026 đảm bảo tuân thủ luật pháp và an toàn cho cổ đông/người lao động trong Công ty. Để đảm bảo cho hoạt động của Công ty trong năm 2026, Hội đồng quản trị đã họp thông qua các nội dung về báo cáo hoạt động năm 2025 và kế hoạch của năm 2026 để trình thông qua trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

7. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

Trong năm 2025, Công ty thực hiện các chỉ tiêu do ĐHCĐ đã thông qua như sau:

CHỈ TIÊU	Kế hoạch 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ TH/KH	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ TH 2025/2024
Tổng Sản Lượng (tấn)	19.000	17.454	91,9%	17.225	101,3%
Tổng Doanh thu (tỷ đồng)	868,7	813,3	93,6%	760,0	107,0%
<i>Trong đó:</i> <i>chưa giảm trừ doanh thu</i>		(4,9)		(4,7)	
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	29,0	26,0	89,7%	29,2	89,0%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	23,2	20,0	86,2%	23,1	86,6%

- Sản lượng: đạt 17.454 tấn đạt 91,9% so với kế hoạch thực hiện năm 2025; tăng 229 tấn so với năm 2024 tương đương tăng 1,3%;
- Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025, chỉ tiêu Tổng doanh thu chỉ đạt 93,6% so với kế hoạch, tuy nhiên vượt 7,0% so với cùng kỳ năm trước;
- Lợi nhuận trước thuế đạt 89,7% so với kế hoạch và giảm 11,0% so với năm 2024.

Trong năm 2025, Công ty đã liên tục cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm các sản phẩm truyền thống, áp dụng công nghệ Plasma trong quá trình sản xuất sản phẩm, nghiên cứu

và đưa ra nhiều sản phẩm mới (Hủ tiêu tô, Mì tô, Mì kraft trộn mới ...) điều chỉnh chất lượng các sản phẩm hiện có để đáp ứng nhu cầu của khách hàng, thị trường, phát triển kênh bán hàng mới.

Các dây chuyền máy móc thiết bị đã sử dụng nhiều năm chưa được đầu tư tự động hóa, tần suất hỏng hóc ngày càng nhiều dẫn đến giá thành sản phẩm cũng tăng cao.

Thị trường Xuất khẩu: Trong năm 2025, Công ty đạt được nhiều khởi sắc trong thị trường xuất khẩu cả việc sản lượng xuất khẩu và doanh thu xuất khẩu đều tăng đáng kể. Bên cạnh đó, Công ty đã khai thác thêm được các khách hàng xuất khẩu mới tại nhiều thị trường thế giới như New Zealand, Canada ... Đây là các khách hàng có nhiều yêu cầu khắt khe về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm nhưng đồng thời cũng là những đối tác giàu tiềm năng.

Kiểm soát chi phí: Các chỉ tiêu về chi phí của Công ty đến 31/12/2025 đảm bảo được kiểm soát theo kế hoạch, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2025	Thực hiện năm 2025	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ TH 2025/2024
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	868,7	813,3	760,0	107,0%
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	619,3	585,6	534,8	109,5%
Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	167,7	138,1	142,9	96,6%
Chi phí quản lý	Tỷ đồng	52,7	51,4	47,4	108,4%
Chi phí khác	Tỷ đồng		7,1	0,7	1014,3%
Lợi nhuận trước thuế (LNTT)	Tỷ đồng	29,0	26,0	29,2	89,0%
Giá vốn/ Tổng doanh thu	%	71,3%	72,0%	70,4%	
Chi phí bán hàng/Tổng doanh thu	%	19,3%	17,0%	18,8%	
Chi phí quản lý/Tổng doanh thu	%	6,1%	6,3%	6,2%	
Chi phí khác/Tổng doanh thu	%		0,9%	0,1%	
LNTT/Tổng doanh thu	%	3,3%	3,2%	3,8%	

Nhận xét: Theo báo cáo Kết quả hoạt động SXKD năm 2025 của Công ty thì:

- Tỷ lệ giá vốn/Tổng doanh thu năm 2025 cao hơn kế hoạch đề ra là 0,7%.
- Tỷ lệ chi phí bán hàng/Tổng doanh thu năm 2025 thấp hơn kế hoạch đề ra là 2,3%.
- Tỷ lệ chi phí quản lý/Tổng doanh thu cao hơn kế hoạch là 0,3%.
- Tỷ lệ chi phí khác/Tổng doanh thu cao hơn mức kế hoạch đề ra 0,9%.
- Lợi nhuận trước thuế giảm 3,2 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2024, bị ảnh hưởng đáng kể do Công ty thực hiện ghi nhận bổ sung chi phí thuê đất theo quyết định điều chỉnh đơn giá thuê đất của cơ quan nhà nước đối với các mặt bằng 1230 Kha Vạn Cân, 03 Tô Vĩnh Diện và 1374 Võ Văn Kiệt; đồng thời nộp truy thu tiền thuê đất giai đoạn 2015–2020 tại mặt bằng 1230 Kha Vạn Cân. Tổng chi phí phát sinh là 10,4 tỷ đồng, làm giảm tương ứng hiệu quả kinh doanh trong kỳ.
- Chi phí dự phòng nộp ngân sách nhà nước của Công ty năm 2025: 5,9 tỷ đồng (dự phòng tiền truy thu tiền cho thuê tài sản gắn liền với đất tại số 1374 Võ Văn Kiệt, P.13, Q.5, TP. HCM từ năm 2017). Số tiền truy thu theo Kết luận thanh tra số 5918/KL-STNMT-TTr ngày 30/6/2024 là 7,2 tỷ đồng.

Trong bối cảnh phát sinh các khoản chi phí ngoài kế hoạch, Ban lãnh đạo và người lao động Công ty đã nỗ lực duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định trong năm 2025.

8. Về công nợ

8.1 Nợ phải thu và nợ phải trả

TT	Chỉ tiêu	01/01/2025	31/12/2025
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	21.313.909.087	36.881.972.713
	- Khách hàng trong nước	17.713.791.235	22.342.561.265
	- Khách hàng nước ngoài	3.600.117.852	14.539.411.448
2	Phải trả người bán ngắn hạn	51.051.990.469	50.597.667.003

Trong dư nợ phải thu của khách hàng tính đến 31/12/2025 thì có 04 khách hàng có dư nợ lớn chiếm 74,9% giá trị tổng nợ phải thu khách hàng, gồm:

TT	Khách hàng	Dư nợ	Tỷ trọng (%)
1.	Công ty TNHH DV & TM MeSa	8.025.051.996	21,8%
2.	Công ty CP TM Bách Hóa Xanh	5.072.422.030	13,8%
3.	Phuong & Phuong Trading Co., Ltd. (có TSĐB)	9.903.919.432	26,9%
4.	DPL VN Food S.R.O.	4.635.492.016	12,6%
	Tổng cộng	27.636.885.474	74,9%

Tại ngày 31/12/2025, tổng phải thu ngắn hạn của Công ty là 36,88 tỷ đồng, tăng 15,57 tỷ đồng (tương ứng 73,1%) so với đầu năm. Mức tăng chủ yếu đến từ khoản phải thu khách hàng nước ngoài tăng mạnh từ 2,71 tỷ đồng lên 14,54 tỷ đồng, phản ánh doanh thu xuất khẩu và giao dịch quốc tế mở rộng trong năm. Bên cạnh đó, phải thu khách hàng trong nước tăng nhẹ 4,33 tỷ đồng, cho thấy hoạt động tiêu thụ nội địa vẫn đang duy trì ổn định.

Mặt khác, nợ phải trả ngắn hạn giữ ở mức tương đương đầu năm, giảm nhẹ 0,46 tỷ đồng cho thấy Công ty kiểm soát tương đối ổn định nghĩa vụ thanh toán ngắn hạn.

Mức độ tập trung công nợ cao vào một số khách hàng lớn giúp Công ty duy trì doanh thu ổn định, tuy nhiên cũng làm gia tăng rủi ro phụ thuộc vào khả năng thanh toán của các đối tác này. Do đó, Công ty cần tiếp tục theo dõi sát tình hình tài chính và lịch sử thanh toán của các khách hàng trọng yếu, cũng như xây dựng quy chế quản lý công nợ để kiểm soát và hạn chế rủi ro phát sinh. Nghiên cứu bổ sung hoàn thiện chính sách bán hàng để tăng sự gắn kết chặt chẽ với những khách hàng truyền thống và mở rộng đối với những khách hàng tiềm năng có tình hình tài chính tốt.

8.2 Các khoản trả trước và ứng trước

Stt	Chỉ tiêu	01/01/2025	31/12/2025
1	Người mua trả tiền trước	3.919.318.832	7.053.100.518
2	Trả trước cho người bán	6.894.557.238	6.960.438.366

Khoản người mua trả tiền trước tăng mạnh trong năm (tăng 3,1 tỷ đồng), hỗ trợ nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Khoản trả trước cho người bán duy trì ổn định (tăng nhẹ 0,07 tỷ đồng so với đầu năm), không ghi nhận dấu hiệu rủi ro liên quan đến việc công nợ quá hạn hoặc khó thu hồi từ nhà cung cấp.

8.3 Nợ phải thu khó đòi

Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đến 31/12/2025 là 1.131.869.568 đồng, không thay đổi so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó, nợ phải thu khó đòi của ông Đinh Chí Hiếu phát sinh từ năm 2012 là 876.851.763 đồng, theo nội dung trình bày tại các văn bản có chữ ký của ông Đinh Chí Hiếu thì nguồn gốc phát sinh khoản nợ phải thu này là do sai phạm cá nhân của ông Hiếu liên quan đến việc bán trái phép hàng tồn kho của Công ty.

Công ty cần tiếp tục rà soát, hoàn thiện hồ sơ, chứng từ (nếu có) đối với các khoản nợ phải thu khó đòi để tiếp tục theo dõi và có biện pháp để thu hồi đối với các khoản nợ này.

9. Đầu tư mua sắm và thanh lý Tài sản:

9.1 Công tác đầu tư XDCB và mua sắm tài sản:

Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị hình thành tài sản sử dụng sử dụng nguồn vốn từ Quỹ đầu tư Phát triển của Công ty là **6.611.158.677 đồng**. Cụ thể như sau:

STT	Tên TSCĐ	Số lượng	Số tiền
1	Hệ thống trạm cân xe tải VTS302 (100 tấn)	1	1.416.628.700
2	Máy nén khí trục vít không dầu hiệu Kobelco 100HP	1	259.217.777
3	Máy sấy khí hiệu Reiner	1	88.560.000
4	Hệ thống tủ sấy vật phở 1200 chén	1	2.000.000.000
5	Máy chà sàn Scrubmaster B30TB430/76_99771520	1	94.000.000
6	Bộ ép lọc dầu đôi tuần hoàn chảo chiên Dây 7	1	51.099.500
7	Máy đo độ kháng nén thùng carton Model: QD-3001A-6	1	173.000.000
8	Trạm biến áp 560KVA-22/0.4Kv	1	729.449.000
9	Bộ ép lọc dầu đôi tuần hoàn Dây 6	1	51.099.500
10	Băng tải inox 1500mm*780mm*700mm xoay thùng 90 độ	1	32.000.000
11	Bồn Khuấy muối 1000 lít Inox 316 dài bột Dây 6	1	51.800.000
12	Máy dán băng keo thùng carton model WP-5050TB (Made in Taiwan)	1	30.500.000
13	Máy đóng gói màng co BOSD590/180 (hiệu Bostar)	1	825.000.000
14	Xe ô tô tải van 5 chỗ Thaco tải trọng 750kg 51L-733.07	1	385.004.200
15	Xe nâng điện Komatsu (Model: FE25-01) 2500kg	1	300.000.000
16	Tủ hấp cơm inox 304 hấp 70 kg gạo (vừa điện và gas)	1	34.300.000
17	Máy rửa băng chuyên công nghiệp (khay cơm- chén- muống đĩa - dụng cụ ăn cơm)	1	89.500.000
Tổng cộng			6.611.158.677

Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành: Hệ thống trạm cân xe tải VTS302 (100 tấn) 1.416.628.700 đồng (có trong kế hoạch).

Các tài sản đều được thực hiện mua sắm theo phương thức chào giá cạnh tranh và đã được Công ty hạch toán ghi nhận tăng tài sản trong năm (có trong kế hoạch). Trong đó, máy móc thiết bị hình thành tài sản 4.385.725.777 đồng, thiết bị phương tiện vận tải hình thành tài sản 685.004.200 đồng, thiết bị dụng cụ quản lý hình thành tài sản 123.800.000 đồng, tài sản sau khi được đầu tư mua sắm được kịp thời đưa vào phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty không phát sinh việc huy động vốn vay để đầu tư vào các dự án đầu tư hình thành tài sản cố định và xây dựng cơ bản, không có đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

9.2 Nhượng bán, thanh lý, giảm tài sản:

Trong năm 2025, TSCĐ hữu hình giảm 1.061.136.343 đồng về nguyên giá do thanh lý/nhuộm bán phương tiện vận tải truyền dẫn; tài sản này đã được khấu hao hết nên giá trị còn lại của TSCĐ không giảm.

9.3 Trích khấu hao tài sản:

Trong năm 2025, Công ty đã trích khấu hao tài sản 4.260.772.571 đồng, khấu hao lũy kế đến ngày 31/12/2025 là 108.085.562.738 đồng. Giá trị còn lại của tài sản tại ngày 31/12/2025 là **18.356.022.273 đồng**.

10. Đánh giá và kiến nghị của Ban Kiểm soát:

- Về kết quả hoạt động và SXKD năm 2025: Công ty chưa đạt kế hoạch về sản lượng tiêu thụ và doanh thu. Do việc điều chỉnh đơn giá thuê đất trong năm 2025 và yêu cầu nộp bổ sung tiền thuê đất giai đoạn 2015–2020 nên Công ty phát sinh chi phí lớn với tổng số tiền 10,4 tỷ đồng, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả lợi nhuận trong năm. Đây là yếu tố khách quan nhưng đã tác động đáng kể đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty cần lưu ý và sớm có những đối sách đối với việc sụt giảm sản lượng tiêu thụ và doanh số dẫn đến giảm thị phần, cụ thể:
 - + Năng lực sản xuất: Máy móc thiết bị quá cũ chưa được đầu tư tự động hóa, tần suất sự cố hỏng hóc ngày càng gia tăng và khả năng sản xuất cho mục tiêu đa dạng hóa sản phẩm bị giới hạn;
 - + Quản lý kinh doanh: Công ty cần hoàn chỉnh các phần mềm quản lý thông minh nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, quản lý tốt chi phí, nhân sự và tốc độ xử lý công việc;
 - + Nhanh chóng triển khai đối với việc đầu tư xây dựng nhà máy mới, di dời Nhà máy ra khỏi khu dân cư theo quy định.
- Về quản lý công nợ: Công ty hiện tại đang quản lý công nợ tốt, không phát sinh thêm nợ phải thu khó đòi trong năm 2025. Tuy nhiên còn khoản nợ khó đòi của Ông Đinh Chí Hiếu phát sinh từ năm 2012, Ban Kiểm soát đề nghị Công ty đề xuất phương án xử lý dứt điểm khoản nợ này theo quy định pháp luật.
- Về đầu tư tài sản: Các tài sản đều được thực hiện mua sắm theo phương thức chào giá cạnh tranh và đã được Công ty hạch toán ghi nhận tăng tài sản trong năm. Việc đầu tư mua sắm tài sản sử dụng nguồn vốn từ quỹ đầu tư phát triển của Công ty. Đối với việc đầu tư tài sản, Ban Kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị có phương án nghiên cứu đầu tư máy móc thiết bị mới (tự động hóa) để đẩy mạnh thay đổi nâng cấp, cải tiến hệ thống sản xuất và thay thế những bộ phận lỗi thời ... Định hướng phát triển bền vững với mô hình sản xuất xanh, thân thiện môi trường. Công ty tập trung đẩy mạnh khai thác các đơn hàng xuất khẩu theo kế hoạch đã có, tiếp tục tìm kiếm thêm các khách hàng, thị trường mới, nghiên cứu thực hiện cho ra mắt nhiều dòng sản phẩm mới.
- Hiện nay, các mặt bằng của Công ty về việc khai thác cho thuê hiện đang bị các Đoàn thanh tra, kiểm tra nhắc nhở việc chấp hành pháp luật đất đai. HĐQT và Ban điều hành cần hoàn thiện thủ tục pháp lý và nghiên cứu kế hoạch phát triển đầu tư các mặt bằng phù hợp với các quy định mới tại các khu đất thuộc sở hữu Công ty.
- Rà soát điều chỉnh, bổ sung các định chế tài chính, quy chế và quy định để phù hợp với điều kiện hoạt động hiện nay tại Công ty.



Thông qua kết quả kinh doanh năm 2025, Ban Kiểm soát đánh giá cao những nỗ lực của Hội đồng quản trị, Ban điều hành, cán bộ quản lý và người lao động của Công ty đã đoàn kết và cố gắng phấn đấu để có được những kết quả như trên.

11. Chọn đơn vị kiểm toán năm 2026

Để đảm bảo sự minh bạch và tạo điều kiện thuận tiện cho việc thực hiện kiểm toán của Công ty, Ban Kiểm soát đề xuất trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt giao Hội đồng quản trị lựa chọn một trong bốn Công ty kiểm toán sau đây để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 cho Công ty, danh sách bốn Công ty kiểm toán như sau:

- Công ty TNHH KPMG Việt Nam - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh;
- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
- Công ty TNHH PwC Việt Nam.

Trên đây là những nội dung báo cáo của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và xác nhận báo cáo của Ban Kiểm soát.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ, HĐQT, Ban điều hành
- Lưu.

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng ban



HOÀNG HÙNG

BÁO CÁO

*V/v: Kết quả triển khai các nội dung đã được
Đại hội đồng cổ đông thông qua*

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Công ty CP Lương thực Thực phẩm Colusa – Miliket**

- Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ/CM ngày 22/12/2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty về việc thông qua chủ trương di dời nhà máy ra khỏi Khu dân cư theo các quyết định của cơ quan có thẩm quyền;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CM-ĐHĐCĐ ngày 27/3/2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty;
- Căn cứ tình hình thực tế,

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 về tiến độ và kết quả thực hiện các công việc đã được giao như sau:

1. Về tiến độ Dự án Nhà máy Colusa - Miliket Miền Nam và giao dịch mua lại doanh nghiệp (M&A)

- Công tác lập Báo cáo nghiên cứu khả thi (FS):

HĐQT đã lựa chọn đơn vị có đầy đủ chức năng để thực hiện lập FS, thẩm định dự toán, thẩm định bản vẽ thiết kế và thẩm tra FS.

- Các công việc đang được HĐQT tích cực xúc tiến triển khai:

Với tinh thần chủ động và quyết liệt nhằm bám sát tiến độ dự án, HĐQT cùng Ban Điều hành đang tích cực đẩy nhanh quá trình đàm phán mua lại doanh nghiệp (M&A) để sở hữu khu đất. Các bước đàm phán được kiểm soát chặt chẽ nhằm đảm bảo tuân thủ đúng chủ trương pháp lý, nguyên tắc thị trường và bảo vệ tối đa lợi ích của Công ty.

Đồng thời, HĐQT cũng đang chủ động lên các kịch bản và xây dựng phương án huy động vốn tối ưu, sẵn sàng triển khai ngay khi Báo cáo FS được đơn vị tư vấn hoàn thành, đảm bảo nguồn lực tài chính an toàn, vững chắc cho dự án.

2. Về tiến độ đầu tư Dây chuyền sản xuất thiết bị cốt lõi phục vụ Dự án

Nhằm đảm bảo đồng bộ với tiến độ triển khai Dự án Nhà máy mới và sở hữu công nghệ hiện đại, HĐQT đã phê duyệt lựa chọn đối tác Fuji Manufacturing Co., Ltd. (Nhật Bản) làm đơn vị cung cấp thiết bị cốt lõi.

- **Hạng mục:** Cung cấp thiết bị, giám sát lắp đặt và chuyển giao công nghệ Dây chuyền sản xuất mì ăn liền.
- **Tổng giá trị đầu tư: 547.200.000 JPY** (Năm trăm bốn mươi bảy triệu, hai trăm ngàn Yên Nhật) - Tương đương khoảng **86.911.776.000 đồng**, tạm tính theo tỷ giá JPY/VND tại Vietcombank là 158,83.
- **Tình hình thực hiện:** HĐQT đang chỉ đạo Ban điều hành khẩn trương hoàn thiện các thủ tục đàm phán, ký kết Hợp đồng ngoại thương và làm việc với các tổ chức tín

dụng để thu xếp nguồn vốn (vốn tự có và hạn mức tín dụng) thực hiện ký quỹ mở Thư tín dụng (L/C) theo đúng kế hoạch nhằm giữ chân đối tác và chốt tiền độ giao hàng.

3. Về việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

- HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành triển khai thực hiện các thủ tục xin phép Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) và cơ quan này đã công bố nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành của Công ty tại Công văn số 4327/UBCK-QLCB ngày 21/5/2026.

- **Kết quả đợt phát hành:** Tính đến ngày kết thúc đợt phát hành (12/06/2026), Công ty đã phân phối thành công toàn bộ **9.600.000 cổ phiếu** cho 507 cổ đông theo đúng tỷ lệ 1:2 (không phát sinh cổ phiếu lẻ).

- Sau đợt phát hành, tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty được nâng lên **14.400.000 cổ phiếu**, tương ứng với mức vốn điều lệ mới đạt **144.000.000.000 đồng**.

- **Kế hoạch tiếp theo:** HĐQT đã thông qua Nghị quyết để tiến hành các thủ tục:

(i) Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh và Sửa đổi Điều lệ Công ty (Khoản 1 Điều 6) theo mức vốn điều lệ mới;

(ii) Đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký giao dịch chứng khoán bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (dự kiến thực hiện trong Quý III năm 2026).

4. Về việc thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa

- Hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài (SHNN) tối đa tại mức 49% của Công ty đã được UBCKNN phản hồi chấp thuận theo Công văn số 4321/UBCK-PTTT ngày 02/05/2026.

- Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) đã cập nhật, điều chỉnh mức tỷ lệ SHNN tối đa này trên hệ thống theo quy định.

Trên đây là báo cáo tổng hợp của HĐQT về tiến độ thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét và ghi nhận.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2026;
- HĐQT;
- BKS;
- Ban TGĐ;
- Lưu: VT, Thư ký.



Lưu Thị Tuyết Mai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM COLUSA - MILIKET

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05-34
Bảng cân đối kế toán	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được chuyển đổi từ đơn vị trực thuộc Doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp Colusa - Miliket theo Quyết định số 1078/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 13/04/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0304517551 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23/08/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 09/10/2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 1230 Kha Vạn Cân, phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Lưu Thị Tuyết Mai	Chủ tịch
Ông Trần Hoàng Ngân	Phó Chủ tịch
Ông Hoàng Ngọc Thanh	Thành viên
Ông Trịnh Đặng Khánh Toàn	Thành viên
Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên Đã nộp đơn từ nhiệm ngày 23/01/2026 nhưng chưa được thông qua

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Hoàng Ngân	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Ngọc Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Đỗ Thùy Linh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Hoàng Hùng	Trưởng ban
Bà Bùi Thị Tuyết Minh	Thành viên
Ông Phạm Nguyên Bình	Thành viên Miễn nhiệm ngày 20/06/2025
Bà Trương Thị Tố Nga	Thành viên Bỏ nhiệm ngày 20/06/2025; sau đó nộp đơn từ nhiệm ngày 20/01/2026 nhưng chưa được thông qua

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là Ông Trần Hoàng Ngân - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Hoàng Ngân

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket được lập ngày 25 tháng 03 năm 2026, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Chi nhánh Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC

Trần Trung Hiếu

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2023-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2026

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam

A member of  International

Lê Trường Long

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 5480-2025-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		284.289.556.107	281.025.004.441
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	31.506.444.183	30.123.850.436
111	1. Tiền		31.506.444.183	30.123.850.436
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		158.395.622.343	179.193.850.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	04	158.395.622.343	179.193.850.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		45.229.861.855	29.399.372.455
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	36.881.972.713	21.313.909.087
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	6.960.438.366	6.894.557.238
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	2.519.320.344	2.322.775.698
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.131.869.568)	(1.131.869.568)
140	IV. Hàng tồn kho	09	44.090.156.598	42.217.858.946
141	1. Hàng tồn kho		44.090.156.598	42.217.858.946
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.067.471.128	90.072.604
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		54.029.248	42.944.676
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	47.127.928
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	5.013.441.880	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		22.537.586.783	19.319.734.010
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.000.000	5.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	5.000.000	5.000.000
220	II. Tài sản cố định		18.356.022.273	16.005.636.167
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	18.356.022.273	16.005.636.167
222	- Nguyên giá		126.441.585.011	120.891.562.677
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(108.085.562.738)	(104.885.926.510)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	4.176.564.510	3.309.097.843
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		4.176.564.510	3.309.097.843
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		306.827.142.890	300.344.738.451

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		137.682.093.609	140.023.200.075
310	I. Nợ ngắn hạn		135.048.341.609	137.389.448.075
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	50.597.667.003	51.051.990.469
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	7.053.100.518	3.919.318.832
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	3.009.269.775	2.235.534.746
314	4. Phải trả người lao động		41.207.023.030	43.720.471.697
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	8.609.806.538	13.271.731.553
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	3.225.706.981	2.376.025.557
321	7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	17	5.933.295.500	5.933.295.500
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		15.412.472.264	14.881.079.721
330	II. Nợ dài hạn		2.633.752.000	2.633.752.000
343	1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		2.633.752.000	2.633.752.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		169.145.049.281	160.321.538.376
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	169.145.049.281	160.321.538.376
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		48.000.000.000	48.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		48.000.000.000	48.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		80.636.492.596	74.025.333.919
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		12.360.328.878	14.361.131.431
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		28.148.227.807	23.935.073.026
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		8.126.949.809	883.292.406
421b	LNST chưa phân phối năm nay		20.021.277.998	23.051.780.620
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		306.827.142.890	300.344.738.451

Nguyễn Tường Pha
Người lập


Nguyễn Thị Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

Trần Hoàng Ngân
Tổng Giám đốc


TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	802.181.701.612	744.403.717.267
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	4.884.105.078	4.689.578.941
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		797.297.596.534	739.714.138.326
11	4. Giá vốn hàng bán	22	585.639.856.633	534.814.779.504
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		211.657.739.901	204.899.358.822
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	10.767.180.133	15.224.142.697
22	7. Chi phí tài chính	24	95.570.529	255.021.150
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		69.260.890	9.266.951
25	8. Chi phí bán hàng	25	138.083.503.397	142.859.175.750
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	51.438.586.505	47.418.453.808
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		32.807.259.603	29.590.850.811
31	11. Thu nhập khác	27	330.425.544	336.543.770
32	12. Chi phí khác	28	7.134.908.561	696.380.341
40	13. Lợi nhuận khác		(6.804.483.017)	(359.836.571)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		26.002.776.586	29.231.014.240
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	5.981.498.588	6.179.233.620
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>20.021.277.998</u>	<u>23.051.780.620</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	3.233	3.770


Nguyễn Tường Pha
Người lập


Nguyễn Thị Minh Nguyệt
Kế toán trưởng


Trần Hoàng Ngân
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2026



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		26.002.776.586	29.231.014.240
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		4.260.772.571	4.620.672.258
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(184.815.432)	(57.687.160)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(9.497.004.725)	(13.801.430.541)
06	- Chi phí lãi vay		69.260.890	9.266.951
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		20.650.989.890	20.001.835.748
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(20.835.291.817)	(4.062.324.646)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(1.872.297.652)	(13.394.529.548)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(4.382.983.577)	3.475.506.601
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(11.084.572)	3.182.298
14	- Tiền lãi vay đã trả		(69.260.890)	(9.266.951)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.659.233.620)	(7.367.835.898)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.426.374.550)	(3.894.079.697)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(16.605.536.788)	(5.247.512.093)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(6.158.625.344)	(3.816.684.450)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		68.818.182	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(355.872.512.022)	(326.445.300.418)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		376.670.739.679	283.787.450.418
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		9.428.186.543	13.848.184.886
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		24.136.607.038	(32.626.349.564)
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		34.925.675.225	5.140.624.407
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(34.925.675.225)	(5.140.624.407)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(6.371.780.400)	(12.519.544.772)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(6.371.780.400)	(12.519.544.772)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		1.159.289.850	(50.393.406.429)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		30.123.850.436	80.457.775.953
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		223.303.897	59.480.912
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>31.506.444.183</u>	<u>30.123.850.436</u>

Nguyễn Tường Pha
Người lập

Nguyễn Thị Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Trần Hoàng Ngân
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2026



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được chuyển đổi từ đơn vị trực thuộc Doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp Colusa - Miliket theo Quyết định số 1078/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 13/04/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0304517551 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23/08/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 09/10/2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 1230 Kha Vạn Cân, phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 48.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 48.000.000.000 VND; tương đương 4.800.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 811 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 786 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy;
- Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Sản xuất thiết bị điện;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Dịch vụ đóng gói;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá lưu động hoặc tại chợ;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các cửa hàng, địa điểm kinh doanh sau:

Cửa hàng số 4 - Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket
Cửa hàng số 3 - Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket
Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket - Cửa hàng kinh doanh
Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket - Cửa hàng kinh doanh

Địa chỉ

38 Tô Vĩnh Diện, phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
3 Tô Vĩnh Diện, phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
1230 Kha Vạn Cân, phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh
1374 Võ Văn Kiệt, phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Dự phòng phải trả;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm.

Dự phòng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn căn cứ vào khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	05 - 10 năm

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Chi phí trả trước của Công ty là các khoản bảo hiểm thiệt hại tài sản được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 01 năm.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: trích trước chi phí hỗ trợ bán hàng, trích trước tiền thưởng doanh số được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý, nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

2.20 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).



Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.21 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.22 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là: Chiết khấu thương mại.

Các khoản chiết khấu thương mại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.23 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.24 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.25 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

- a) Chi phí thuế TNDN hiện hành
Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.
- b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành
Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.26 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.27 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.28 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	914.710.143	1.408.421.194
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	30.591.734.040	28.715.429.242
	31.506.444.183	30.123.850.436

4 . ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	158.395.622.343	-	179.193.850.000	-
	158.395.622.343	-	179.193.850.000	-

Tại ngày 31/12/2025, các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng có giá trị 158.395.622.343 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,7%/năm đến 6,7%/năm.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Bên liên quan</i>				
- Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa	8.442.297.206	-	5.420.771.958	-
- Công ty Cổ phần Sài Gòn Lương thực	8.025.051.996	-	5.319.690.888	-
- Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa	234.398.783	-	42.378.029	-
	182.846.427	-	58.703.041	-
<i>Bên khác</i>				
- Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	28.439.675.507	-	15.893.137.129	-
- CN Trading Co., Ltd.	5.072.422.030	-	4.204.852.880	-
- Phương & Phương Trading Co., Ltd	9.903.919.432	-	2.706.696.607	-
- DPL VN Food S.R.O.	4.635.492.016	-	-	-
- Các khách hàng khác	8.827.842.029	-	8.981.587.642	-
	36.881.972.713	-	21.313.909.087	-

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Bên liên quan</i>				
- Công ty Lương thực Thực phẩm An Giang	5.010.108.000	-	5.280.800.000	-
- Công ty Cổ phần Beyond Communication	1.538.548.000	-	-	-
- Công ty Lương thực Long An	1.000.000.000	-	-	-
	2.471.560.000	-	5.280.800.000	-
<i>Bên khác</i>				
- Công ty Cổ phần Phát triển Mesa	1.950.330.366	(212.500.000)	1.613.757.238	(212.500.000)
- Công ty TNHH Kỹ thuật Phát Lộc	212.500.000	(212.500.000)	212.500.000	(212.500.000)
- Công ty TNHH Intex Việt Nam	1.175.694.000	-	1.320.000.000	-
- Công ty TNHH Haskoning Việt Nam	510.000.000	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	52.136.366	-	81.257.238	-
	6.960.438.366	(212.500.000)	6.894.557.238	(212.500.000)

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về bảo hiểm xã hội	13.087.576	-	81.890.470	-
Tạm ứng	1.376.306.453	-	1.072.367.723	-
Ký cược, ký quỹ	49.705.000	-	49.705.000	-
Phải thu về tiền bồi thường hàng thiếu Ông Đinh Chí Hiếu	876.851.763	(876.851.763)	927.066.697	(876.851.763)
Ông Nguyễn Thanh Tiến	876.851.763	(876.851.763)	876.851.763	(876.851.763)
Phải thu khác	-	-	50.214.934	-
	203.369.552	(42.517.805)	191.745.808	(42.517.805)
	2.519.320.344	(919.369.568)	2.322.775.698	(919.369.568)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	5.000.000	-	5.000.000	-
	5.000.000	-	5.000.000	-
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh	42.517.805	(42.517.805)	42.517.805	(42.517.805)
Ông Hoàng Ngọc Thanh	-	-	10.000.000	-
	42.517.805	(42.517.805)	52.517.805	(42.517.805)

8 . NỢ XẤU

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Trả trước cho người bán ngắn hạn	212.500.000	-	212.500.000	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Mesa	212.500.000	-	212.500.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	919.369.568	-	919.369.568	-
- Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh	42.517.805	-	42.517.805	-
- Ông Đinh Chí Hiếu	876.851.763	-	876.851.763	-
	1.131.869.568	-	1.131.869.568	-

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	25.213.592.838	-	30.775.499.974	-
Công cụ, dụng cụ	161.674.046	-	134.738.166	-
Thành phẩm	18.560.443.063	-	11.150.095.046	-
Hàng hoá	154.446.651	-	157.525.760	-
	44.090.156.598	-	42.217.858.946	-

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Mua sắm phần mềm quản trị SAP Business One	2.826.549.710	2.826.549.710
- Mua sắm máy nén khí và máy sấy khí	-	104.333.333
- Mua sắm máy trộn xoay tròn 300 kg	300.000.000	-
- Mua sắm bồn Sauce sệt công suất 250 - 300L	671.800.000	-
- Xây dựng hệ thống phòng cháy chữa cháy tự động	378.214.800	378.214.800
	4.176.564.510	3.309.097.843



11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	26.764.900.339	77.058.671.073	15.628.857.842	1.439.133.423	120.891.562.677
- Mua trong năm	-	4.385.725.777	685.004.200	123.800.000	5.194.529.977
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.416.628.700	-	-	-	1.416.628.700
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.061.136.343)	-	(1.061.136.343)
Số dư cuối năm	28.181.529.039	81.444.396.850	15.252.725.699	1.562.933.423	126.441.585.011
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	24.700.115.996	67.072.963.852	11.846.333.702	1.266.512.960	104.885.926.510
- Khấu hao trong năm	453.846.059	2.588.754.872	1.144.703.732	73.467.908	4.260.772.571
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.061.136.343)	-	(1.061.136.343)
Số dư cuối năm	25.153.962.055	69.661.718.724	11.929.901.091	1.339.980.868	108.085.562.738
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	2.064.784.343	9.985.707.221	3.782.524.140	172.620.463	16.005.636.167
Tại ngày cuối năm	3.027.566.984	11.782.678.126	3.322.824.608	222.952.555	18.356.022.273

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 91.032.446.324 VND.

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket
1230 Kha Vạn Cân, phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên liên quan				
- Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	4.610.139.068	4.610.139.068	6.782.757.548	6.782.757.548
- Công ty Lương thực Trà Vinh	3.452.155.200	3.452.155.200	5.815.787.040	5.815.787.040
- Công ty Lương thực Tiền Giang	153.720.000	153.720.000	238.500.000	238.500.000
- Công ty Cổ phần Lương thực Nam Trung Bộ	10.555.555	10.555.555	6.281.726	6.281.726
- Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Bao bì Carton Nếp gấp VINA TOYO	993.708.313	993.708.313	17.600.000	17.600.000
			704.588.782	704.588.782
Bên khác				
- Công ty Cổ phần BMP Group	45.987.527.935	45.987.527.935	44.269.232.921	44.269.232.921
- Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Thực phẩm Thái Lan	5.252.636.418	5.252.636.418	5.195.854.811	5.195.854.811
- Công ty TNHH Chế biến Bột mì Mê Kông	-	-	4.594.504.400	4.594.504.400
- Công ty TNHH Wilmar Mareting CLV	4.312.202.400	4.312.202.400	5.143.104.720	5.143.104.720
- Phải trả người bán khác	6.387.121.080	6.387.121.080	5.914.841.400	5.914.841.400
	30.035.568.037	30.035.568.037	23.420.927.590	23.420.927.590
	50.597.667.003	50.597.667.003	51.051.990.469	51.051.990.469

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên khác				
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Hồng Phát	1.431.060.480	-	-	-
- Ah Liki Wholesale	-	86.811.170	-	-
- Roberto Food Imports Ltd.	806.303.448	2.028.415.355	-	-
- Pacific Partners Trading Pte. Ltd.	1.529.128.943	-	-	-
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Bình Tây	680.140.800	-	-	-
- Người mua trả tiền trước khác	2.606.466.847	1.804.092.307	-	-
	7.053.100.518	3.919.318.832		

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		12.814.328.048		12.630.649.580		-		183.678.468	
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-		100.910.054		100.910.054		-		-	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		1.859.233.620		5.981.498.588		-		2.181.498.588	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		373.846.086		6.523.322.609		-		429.256.392	
Thuế Tài nguyên	-		2.455.040		18.229.120		-		2.413.040	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		-		21.402.341.707		5.013.441.880		-	
Các loại thuế khác	-		-		3.000.000		-		-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		-		212.423.287		-		212.423.287	
			2.235.534.746		47.056.053.413		51.295.760.264		5.013.441.880	
									3.009.269.775	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Chi phí hỗ trợ bán hàng	1.862.995.400	2.057.951.700
- Chi phí hỗ trợ vận chuyển bán hàng siêu thị	766.010.217	521.005.256
- Trích trước tiền thưởng doanh số	4.618.748.964	5.482.794.945
- Trích trước chi phí vận chuyển thuê ngoài	227.604.232	109.279.049
- Trích trước chi phí hàng trưng bày	-	87.876.979
- Trích trước chi phí VIP Shop	-	292.923.264
- Trích trước chi phí gia công	-	244.079.630
- Trích trước chi phí Sale	685.611.391	4.335.820.730
- Trích trước chi phí sửa chữa	200.809.894	-
- Trích trước chi phí lò hơi	69.832.000	-
- Chi phí phải trả khác	178.194.440	140.000.000
	8.609.806.538	13.271.731.553

16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Chi tiết		
- Kinh phí công đoàn	506.502.980	491.467.660
- Bảo hiểm xã hội	709.800	709.800
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	759.882.502	62.905.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.457.302.894	1.589.083.294
- Phải trả về tiền lương và thuế TNCN thu hộ	219.885.975	19.980.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	281.422.830	211.879.803
	3.225.706.981	2.376.025.557
b) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
- Ban Tổng Giám đốc	219.885.975	19.980.000
- Công ty Lương thực Thực phẩm An Giang	1.725.000	-
	221.610.975	19.980.000

17 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Dự phòng nghĩa vụ phải nộp ngân sách Nhà nước (*)	5.933.295.500	5.933.295.500
	5.933.295.500	5.933.295.500

(*) Theo Kết luận thanh tra số 5918/KL-STNMT-TTr ngày 30/06/2023 về việc chấp hành pháp luật đất đai theo Quyết định số 1235/QĐ-STNMT-TTr ngày 23/05/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường, Công ty có khả năng bị xử phạt vi phạm hành chính số tiền từ 5.000.000 VND đến 10.000.000 VND và buộc nộp lại số tiền 7.200.000.000 VND về hành vi cho thuê tài sản gắn liền với đất được Nhà nước cho thuê thu tiền thuê đất hàng năm mà không đủ điều kiện tại địa chỉ nhà đất số 1374 Võ Văn Kiệt, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện tại, Công ty đang tích cực làm việc với các cơ quan ban ngành có liên quan để tìm phương hướng giải quyết. Tại ngày 31/12/2025, Công ty tiếp tục duy trì khoản dự phòng phải trả với số tiền 5.933.295.500 VND căn cứ vào những đánh giá, xét đoán của Ban Tổng Giám đốc Công ty về số tiền có khả năng sẽ phải chi ra để thực hiện nghĩa vụ này.

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	48.000.000.000	72.606.361.842	11.596.210.988	21.585.104.316	153.787.677.146
Lãi trong năm trước	-	-	-	23.051.780.620	23.051.780.620
Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	4.183.892.520	(4.183.892.520)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.137.919.390)	(3.137.919.390)
Trích Quỹ an sinh xã hội	-	-	-	(400.000.000)	(400.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(12.480.000.000)	(12.480.000.000)
Tặng tài sản từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển	-	1.418.972.077	(1.418.972.077)	-	-
Số dư cuối năm trước	48.000.000.000	74.025.333.919	14.361.131.431	23.935.073.026	160.321.538.376
Số dư đầu năm nay	48.000.000.000	74.025.333.919	14.361.131.431	23.935.073.026	160.321.538.376
Lãi trong năm nay	-	-	-	20.021.277.998	20.021.277.998
Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	4.610.356.124	(4.610.356.124)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.457.767.093)	(3.457.767.093)
Trích Quỹ an sinh xã hội	-	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(6.240.000.000)	(6.240.000.000)
Tặng tài sản từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển	-	6.611.158.677	(6.611.158.677)	-	-
Số dư cuối năm nay	48.000.000.000	80.636.492.596	12.360.328.878	28.148.227.807	169.145.049.281



Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-CM-ĐHĐCĐ ngày 20/06/2025, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	100,00	23.051.780.620
Trích Quỹ khen thưởng ban điều hành	2,17	500.000.000
Trích Quỹ đầu tư phát triển	20,00	4.610.356.124
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15,00	3.457.767.093
Chi công tác an sinh xã hội	4,34	1.000.000.000
Chi trả cổ tức (trương ứng mỗi cổ phần nhận 1.300 VND)	27,07	6.240.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	31,42	7.243.657.403

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
- Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	30,72	14.744.000.000	30,72	14.744.000.000
- Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam - Công ty TNHH MTV	20,00	9.600.000.000	20,00	9.600.000.000
- Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa	20,08	9.636.000.000	20,08	9.636.000.000
- Ông Trịnh Việt Dũng	9,71	4.661.000.000	9,71	4.661.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải	0,01	3.000.000	5,53	2.655.000.000
- Các cổ đông khác	19,48	9.356.000.000	13,96	6.704.000.000
	100	48.000.000.000	100	48.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	48.000.000.000	48.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	48.000.000.000	48.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	1.589.083.294	1.628.628.066
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm</i>	6.240.000.000	12.480.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	6.240.000.000	12.480.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	(6.371.780.400)	(12.519.544.772)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	(6.371.780.400)	(12.519.544.772)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i>	1.457.302.894	1.589.083.294

d) Cổ phiếu	31/12/2025	01/01/2025
	Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.800.000	4.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.800.000	4.800.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần

e) Các quỹ của Công ty

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	12.360.328.878	14.361.131.431
	12.360.328.878	14.361.131.431

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký các hợp đồng thuê đất trả tiền hàng năm sau:

- Hợp đồng thuê đất tại số 3 Tô Vĩnh Diện, phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng làm xưởng sản xuất và kho chứa hàng. Thời hạn thuê từ năm 1996 cho đến khi Nhà nước thực hiện quy hoạch. Diện tích khu đất thuê là 8.590,7 m²;
- Hợp đồng thuê đất tại số 38 Tô Vĩnh Diện, phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng làm cửa hàng thương mại dịch vụ. Thời hạn thuê từ năm 2012 đến năm 2056. Diện tích khu đất thuê là 1.666,4 m²;
- Hợp đồng thuê đất tại số 1230 Kha Vạn Cân, phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng làm văn phòng, xưởng sản xuất, kho chứa hàng, cửa hàng kinh doanh giới thiệu sản phẩm. Thời hạn thuê từ năm 2008 cho đến khi Nhà nước thực hiện quy hoạch. Diện tích khu đất thuê là 19.997,2 m²;
- Hợp đồng thuê đất tại số 60 Hải Thượng Lãn Ông, phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng làm cửa hàng kinh doanh. Thời hạn thuê từ năm 2009 đến năm 2058 (đối với phần diện tích không thuộc phạm vi lộ giới 147,1 m²) hoặc đến khi Nhà nước thực hiện quy hoạch (đối với phần diện tích thuộc phạm vi lộ giới 62,6 m²). Tổng diện tích khu đất thuê là 209,7 m²;
- Hợp đồng thuê đất tại số 158-161 Trần Văn Kiêu (số mới 1374 Võ Văn Kiệt), phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng làm kho hàng. Thời hạn thuê từ năm 1996 đến năm 2017. Diện tích khu đất thuê là 1.443 m².

b) Tài sản nhận giữ hộ

STT	Sản phẩm, hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
1	Mì	Thùng	35.528
2	Phở	Thùng	2.126

c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2025	01/01/2025
Đồng đô la Mỹ (USD)	845.462,56	305.657,40

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	797.348.898.603	740.502.471.001
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.832.803.009	3.901.246.266
	802.181.701.612	744.403.717.267
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 37)	80.594.868.928	82.501.802.353

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	4.884.105.078	4.689.578.941
	4.884.105.078	4.689.578.941

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	585.639.856.633	534.814.779.504
	585.639.856.633	534.814.779.504
Trong đó: Tổng giá trị mua vào từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 37)	58.072.902.904	36.430.367.869

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi	9.428.186.543	13.848.184.886
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.154.178.158	1.318.270.651
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	184.815.432	57.687.160
	10.767.180.133	15.224.142.697

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	69.260.890	9.266.951
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	26.309.639	245.754.199
	95.570.529	255.021.150

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng văn phòng	483.887.392	371.275.774
Chi phí nhân công	42.814.378.147	41.787.218.906
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.017.323.120	1.256.222.528
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.966.042.974	19.925.437.502
Chi phí khác bằng tiền	71.801.871.764	79.519.021.040
	138.083.503.397	142.859.175.750
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 37)	18.290.458.579	20.077.130.062

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng văn phòng	468.543.985	996.140.537
Chi phí nhân công	22.213.136.060	21.224.126.528
Chi phí khấu hao tài sản cố định	240.572.196	244.381.892
Thuế, phí, và lệ phí	10.165.692.073	8.997.003.756
Chi phí dịch vụ mua ngoài	601.550.442	552.673.441
Chi phí khác bằng tiền	17.749.091.749	15.404.127.654
	51.438.586.505	47.418.453.808
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 37)	2.640.000	2.640.000

27 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	68.818.182	-
Thu nhập khác	261.607.362	336.543.770
	330.425.544	336.543.770

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	46.754.345
Các khoản thuế bị truy thu và bị phạt, tiền chậm nộp	347.764.866	645.153.861
Tiền thuê đất nộp bổ sung giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2020	6.250.616.874	-
Chi phí khác	536.526.821	4.472.135
	7.134.908.561	696.380.341

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	26.002.776.586	29.231.014.240
Các khoản điều chỉnh tăng	2.539.848.795	1.665.153.861
- Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không chuyên trách	1.020.000.000	1.020.000.000
- Chi phí không được khấu trừ	1.519.848.795	645.153.861
Thu nhập tính thuế TNDN	28.542.625.381	30.896.168.101
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	5.708.525.076	6.179.233.620
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	272.973.512	269.565.981
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	1.859.233.620	2.778.269.917
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(5.659.233.620)	(7.367.835.898)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	2.181.498.588	1.859.233.620

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	20.021.277.998	23.051.780.620
Các khoản điều chỉnh	(4.503.191.700)	(4.957.767.093)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(3.003.191.700)	(3.457.767.093)
- Quỹ khen thưởng Ban điều hành và Quỹ an sinh xã hội	(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	15.518.086.298	18.094.013.527
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.800.000	4.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.233	3.770

Căn cứ vào kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-CM-ĐHĐCĐ ngày 20/06/2025: Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích theo tỷ lệ 15% lợi nhuận sau thuế năm 2024; Quỹ khen thưởng Ban điều hành và Quỹ an sinh xã hội được trích số tiền 1.500.000.000 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	457.320.191.809	414.115.775.598
Chi phí nhân công	152.524.274.303	142.145.667.816
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.260.772.571	4.620.672.258
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.922.144.063	51.312.619.944
Chi phí khác bằng tiền	113.544.911.806	117.830.497.900
	782.572.294.552	730.025.233.516

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2025				
Tiền và các khoản trương đương tiền	30.591.734.040	-	-	30.591.734.040
Phải thu khách hàng, phải thu khác	38.481.923.489	5.000.000	-	38.486.923.489
Các khoản cho vay	158.395.622.343	-	-	158.395.622.343
	227.469.279.872	5.000.000	-	227.474.279.872
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền và các khoản trương đương tiền	28.715.429.242	-	-	28.715.429.242
Phải thu khách hàng, phải thu khác	22.717.315.217	5.000.000	-	22.722.315.217
Các khoản cho vay	179.193.850.000	-	-	179.193.850.000
	230.626.594.459	5.000.000	-	230.631.594.459

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2025				
Phải trả người bán, phải trả khác	53.823.373.984	-	-	53.823.373.984
Chi phí phải trả	8.609.806.538	-	-	8.609.806.538
	62.433.180.522	-	-	62.433.180.522
Tại ngày 01/01/2025				
Phải trả người bán, phải trả khác	53.428.016.026	-	-	53.428.016.026
Chi phí phải trả	13.271.731.553	-	-	13.271.731.553
	66.699.747.579	-	-	66.699.747.579

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường:	34.925.675.225	5.140.624.407
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	34.925.675.225	5.140.624.407

34 . THÔNG TIN KHÁC

Ngày 22/04/2005, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 1820/QĐ-UB phê duyệt danh sách các đơn vị sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm cần phải di dời trên địa bàn quận Thủ Đức (nay là Thành phố Hồ Chí Minh), trong đó bao gồm cơ sở sản xuất của Công ty đặt tại phường Linh Trung (nay là phường Linh Xuân), Thành phố Hồ Chí Minh.

Để chuẩn bị công tác di dời, Hội đồng quản trị đã thông qua Biên bản họp số 05/BB-HĐQT.COMI ngày 25/11/2022 thống nhất giao Ban điều hành nghiên cứu đề xuất đơn vị tư vấn lập dự án, phương án đầu tư di dời và trình Hội đồng quản trị phê duyệt.

Đến ngày 22/12/2022, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã ban hành Nghị quyết số 02/NQ-ĐHCD thông qua chủ trương di dời nhà máy ra khỏi khu dân cư.

Vào ngày 09/10/2023, Ban điều hành Công ty đã hoàn thành và báo cáo kết quả khảo sát đầu tư nhà máy tại Miền Bắc và Miền Nam. Hội đồng quản trị đã thông qua báo cáo kết quả khảo sát đầu tư nhà máy tại Miền Bắc và Miền Nam của Ban điều hành. Hội đồng quản trị ưu tiên đầu tư di dời nhà máy tại Miền Nam trước để ổn định sản xuất kinh doanh và sẽ thành lập Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoạt động một cách độc lập để quản lý dự án đầu tư, thiết kế bản vẽ nhà máy, tìm kiếm nhà cung cấp thiết bị máy móc và đấu thầu mua sắm theo quy định của pháp luật.

Vào ngày 10/09/2024, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 06/NQ-CM-HĐQT thông qua chủ trương lựa chọn các đơn vị nhằm mục đích: quản lý và phát triển; thiết kế dự án; định giá lô đất đi thuê; cung cấp dịch vụ tài chính phục vụ dự án bằng hình thức đấu thầu chào giá cạnh tranh.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty đang hoàn thiện báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và trong giai đoạn triển khai thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết cho dự án nhà máy Miliket tại Khu công nghiệp Giang Điền, tỉnh Đồng Nai.

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chế biến và kinh doanh lương thực, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Theo khu vực địa lý

	Việt Nam VND	Nước ngoài VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	704.011.531.172	93.286.065.362	797.297.596.534
Tài sản bộ phận	292.287.731.442	14.539.411.448	306.827.142.890
Tổng chi phí mua TSCĐ	7.478.625.344	-	7.478.625.344

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		80.594.868.928	82.501.802.353
- Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa	Cổ đông lớn	77.652.526.936	80.943.486.301
- Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam - Công ty TNHH MTV	Cổ đông lớn	-	22.222.200
- Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco	(1)	522.135.000	418.150.000
- Công ty Cổ phần Sài Gòn Lương Thực	(1)	1.207.010.615	262.589.756
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh - FoodcoMart Đắc Nông	(2)	-	6.768.500
- Công ty Lương thực Trà Vinh	(3)	-	48.296.304
- Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa	(4)	978.498.517	600.401.459
- Công ty Cổ phần Xây lắp - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	(1)	-	34.444.410
- Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn	148.148.000	24.351.795
- Công ty Cổ phần Beyond Communication	(5)	-	105.999.840
- Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Bao bì Carton Nếp gấp VINA TOYO	(8)	20.423.280	27.598.768
- Bà Lưu Thị Tuyết Mai	Chủ tịch HĐQT	33.300.000	-
- Ông Trần Hoàng Ngân	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	24.272.080	7.493.020
- Công ty Lương thực Thực phẩm An Giang	(3)	8.554.500	-

Giao dịch phát sinh trong năm (tiếp theo):

	Mối quan hệ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Mua nguyên liệu, hàng hóa, dịch vụ		58.072.902.904	36.430.367.869
- Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco	(1)	11.236.000	11.520.000
- Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa	Cổ đông lớn	-	160.645.974
- Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn	37.552.320.000	26.650.728.000
- Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa	(4)	1.029.081.382	166.959.047
- Công ty Cổ phần Mesa Coffee	(5)	17.000.000	-
- Công ty Lương thực Trà Vinh	(3)	2.895.343.981	3.222.392.289
- Công ty Lương thực Long An	(3)	3.503.900.000	364.000.000
- Công ty Lương thực Tiền Giang	(3)	88.934.984	99.536.398
- Công ty Cổ phần Xây lắp - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	(1)	-	1.700.000
- Công ty Cổ phần Sài Gòn Lương Thực	(1)	64.200.000	496.067.000
- Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	(9)	1.492.593	52.594.456
- Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Hải Hà	(5)	5.200.847	-
- Công ty Cổ phần Nông nghiệp Plasma Việt Nam	(7)	1.100.151.254	-
- Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Bao bì Carton Nếp gấp VINA TOYO	(8)	9.023.151.863	5.204.224.705
- Công ty Lương thực Thực phẩm An Giang	(3)	2.778.640.000	-
- Công ty Lương thực Bến Tre	(3)	2.250.000	-
		18.290.458.579	20.077.130.062
Chi phí bán hàng			
- Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa	Cổ đông lớn	8.335.958.579	8.853.972.202
- Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa	(4)	9.660.000.000	-
- Công ty Cổ phần Lương thực Nam Trung Bộ	(1)	132.000.000	16.000.000
- Công ty Lương thực Trà Vinh	(3)	-	29.407.860
- Công ty Cổ phần Beyond Communication	(5)	-	11.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đào tạo và Huấn luyện Phát triển Doanh nghiệp TC	(6)	162.500.000	177.750.000
		2.640.000	2.640.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp			
- Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa	(4)	2.640.000	2.640.000
		-	130.000.000
Tạm ứng			
- Ông Hoàng Ngọc Thanh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	-	130.000.000
		10.000.000	120.000.000
Hoàn ứng			
- Ông Hoàng Ngọc Thanh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	10.000.000	120.000.000

- (1) Công ty con của cổ đông lớn là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần.
- (2) Chi nhánh của Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh - công ty con của cổ đông lớn là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần.
- (3) Chi nhánh của cổ đông lớn là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần.
- (4) Chi nhánh của cổ đông lớn là Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa.
- (5) Công ty do Bà Lưu Thị Tuyết Mai giữ vai trò Chủ tịch HĐQT.
- (6) Công ty do Ông Trịnh Đăng Khánh Toàn là đồng sở hữu kiêm Giám đốc điều hành.
- (7) Công ty do Bà Lưu Thị Tuyết Mai giữ vai trò người đại diện theo pháp luật.
- (8) Công ty liên doanh của cổ đông lớn là Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam - Công ty TNHH MTV.
- (9) Công ty do Ông Hoàng Hùng giữ vai trò Chủ tịch HĐQT.


	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt	6.561.275.989	7.445.941.859
- Chủ tịch HĐQT	319.555.555	267.333.333
- Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.787.890.953	1.866.779.510
- Thành viên 1 của HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.093.028.549	846.283.773
- Thành viên 2 của HĐQT đã viết đơn từ nhiệm nhưng chưa được thông qua	155.555.555	100.000.000
- Thành viên 3 của HĐQT	275.555.555	228.333.333
- Thành viên HĐQT miễn nhiệm trong năm trước	-	8.333.333
- Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam - Công ty TNHH MTV (*)	120.000.000	120.000.000
- Thành viên Ban kiểm soát	520.111.111	473.777.778
- Những người quản lý khác	2.289.578.711	3.535.100.799


(*) Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam - Công ty TNHH MTV đứng ra nhận hộ một phần lương của 02 thành viên Hội đồng quản trị.


Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


Nguyễn Tường Pha
Người lập


Nguyễn Thị Minh Nguyệt
Kế toán trưởng


Trần Hoàng Ngân
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2026

Số: 06/TTr-CM-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 6 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2025
Và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Công ty CP Lương thực Thực phẩm Colusa – Miliket

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Lương thực Thực phẩm Colusa – Miliket;
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;
- Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty.

Hội đồng quản trị đề xuất phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 như sau:

1/ Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2025:

Đơn vị tính: Đồng

ST T	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH 2025		THỰC HIỆN 2025	
		%	Số tiền	%	Số tiền
1	Lợi nhuận kế toán trước thuế		29.006.304.088		26.002.776.586
	Thuế phải nộp		5.801.260.818		5.981.498.588
2	Lợi nhuận kế toán sau thuế		23.205.043.270		20.021.277.998
2.1	Trích lập các Quỹ	41,5	9.621.765.145	42,5	8.507.447.300
	- Quỹ khen thưởng Ban điều hành	2,16	500.000.000	2,5	500.000.000
	- Quỹ đầu tư phát triển	20	4.641.008.654	20	4.004.255.600
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	15	3.480.756.491	15	3.003.191.700
	- Chi công tác an sinh xã hội	4,31	1.000.000.000	4,99	1.000.000.000
2.2	Tổng lợi nhuận còn lại để chia cổ tức	58,5	13.583.278.125	57,5	11.513.830.698
	- Cổ tức năm 2025	53,78	12.480.000.000	0	0
	- Lợi nhuận còn lại	4,75	1.103.278.125	57,5	11.513.830.698
3	Tỷ lệ cổ tức / vốn điều lệ		26%		0%

Do đã có kế hoạch phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu trong năm 2026 (theo Nghị quyết số 01/NQ-CM-ĐHĐCĐ ngày 27/3/2026 của ĐHĐCĐ bất thường năm 2026), vậy nên đề xuất không chia cổ tức năm 2025 để có nguồn bổ sung cho dự án đầu tư nhà máy mới.

2/ Dự kiến Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026:

Đơn vị tính: Đồng

ST T	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2025		KẾ HOẠCH 2026	
		%	Số tiền	%	Số tiền
1	Lợi nhuận kế toán trước thuế		26.002.776.586		29.019.744.183
	Thuế phải nộp		5.981.498.588		5.803.948.837
2	Lợi nhuận kế toán sau thuế		20.021.277.998		23.215.795.346
2.1	Trích lập các Quỹ	42,5	8.507.447.300	41,5	10.125.528.371
	- Quỹ khen thưởng Ban điều hành	2,5	500.000.000	2,2	500.000.000

ST T	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2025		KẾ HOẠCH 2026	
		%	Số tiền	%	Số tiền
	- Quỹ đầu tư phát triển	20	4.004.255.600	20	4.643.159.069
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	15	3.003.191.700	15	3.482.369.302
	- Chi công tác an sinh xã hội	4,99	1.000.000.000	6,46	1.500.000.000
2.2	Tổng lợi nhuận còn lại để chia cổ tức	57,5	11.513.830.698	56,4	13.090.266.975
	- Cổ tức	0	0	55,8	12.960.000.000
	- Lợi nhuận còn lại	57,5	11.513.830.698	0,6	130.266.975
3	Tỷ lệ cổ tức / vốn điều lệ		0%		9%

Kế hoạch Tỷ lệ chia cổ tức năm 2026: 9% / Vốn điều lệ sau khi phát hành cổ phiếu thưởng trong năm 2026 (144 tỷ đồng).

Đồng thời, đề xuất Đại hội đồng cổ đông giao/ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế năm 2026, cũng như nhu cầu vốn thực tế và tiến độ giải ngân của dự án đầu tư nhà máy sản xuất mới, được phép chủ động xem xét, quyết định điều chỉnh Kế hoạch phân phối lợi nhuận và tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2026 nhằm đảm bảo tối ưu hóa nguồn lực tài chính cho Công ty. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo lại quyết định điều chỉnh này (nếu có) cho Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp gần nhất theo đúng thẩm quyền.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thống nhất thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ thường niên 2026;
- HĐQT;
- BKS;
- Ban TGD;
- Lưu: VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lưu Thị Tuyết Mai

ST T	CHỈ TIÊU	%	Số tiền	%	Số tiền
1	Lợi nhuận kế toán trước thuế	100	20.000.000.000	100	20.000.000.000
2	Tổng phát sinh				
2.1	Lợi nhuận kế toán sau thuế	100	20.000.000.000	100	20.000.000.000
2.2	Lợi nhuận kế toán sau thuế	100	20.000.000.000	100	20.000.000.000

(Handwritten signature)

Số: 07/TTr-CM-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 6 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Báo cáo thù lao thành viên HĐQT, thành viên BKS,
Người phụ trách quản trị Công ty năm 2025
Và Kế hoạch thù lao thành viên HĐQT, thành viên BKS,
Người phụ trách quản trị Công ty năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Công ty CP Lương thực Thực phẩm Colusa – Miliket

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Lương thực Thực phẩm Colusa – Miliket;
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;
- Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty.

1/ Báo cáo về thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Người phụ trách quản trị Công ty năm 2025:

Công ty CP Lương thực Thực phẩm Colusa – Miliket đã chi trả đầy đủ thù lao năm 2025 cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, người phụ trách quản trị Công ty theo mức thù lao và lương cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng / tháng

STT	CHỨC VỤ	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	12.000.000	
2	Thành viên Hội đồng quản trị (04)	10.000.000	
3	Trưởng Ban Kiểm soát	15.000.000	
4	Thành viên Ban Kiểm soát (02)	7.000.000	
5	Người phụ trách quản trị Công ty	4.000.000	

Tổng tiền thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, người phụ trách quản trị Công ty năm 2025 là: **1.020.000.000 đồng** / Kế hoạch 1.020.000.000 đồng.

2/ Kế hoạch thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Người phụ trách quản trị Công ty năm 2026:

Hội đồng quản trị đề xuất mức thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Người phụ trách quản trị Công ty năm 2026 theo mức chi của năm 2025, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng / tháng

STT	CHỨC VỤ	SỐ TIỀN
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	12.000.000
2	Thành viên Hội đồng quản trị (04)	10.000.000
3	Trưởng Ban Kiểm soát	15.000.000

STT	CHỨC VỤ	SỐ TIỀN
4	Thành viên Ban Kiểm soát (02)	7.000.000
5	Người phụ trách quản trị Công ty	4.000.000

Tổng tiền thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Người phụ trách quản trị Công ty năm 2026 là: **1.020.000.000 đồng** (một tỷ không trăm hai mươi triệu đồng).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thống nhất thông qua.
Trân trọng./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2026;
- HĐQT;
- BKS;
- Ban TGD;
- Lưu: VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lưu Thị Tuyết Mai

STT	CHỨC VỤ	SỐ TIỀN
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	12.000.000
2	Thành viên Hội đồng quản trị (04)	10.000.000
3	Thành viên Ban Kiểm soát	7.000.000
4	Thành viên Ban Kiểm soát (02)	7.000.000
5	Người phụ trách quản trị Công ty	4.000.000

Tổng tiền thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, người phụ trách quản trị Công ty năm 2026 là: **1.020.000.000 đồng** (một tỷ không trăm hai mươi triệu đồng).

STT	CHỨC VỤ	SỐ TIỀN
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	12.000.000
2	Thành viên Hội đồng quản trị (04)	10.000.000
3	Thành viên Ban Kiểm soát	7.000.000

Số: 08/TTr-CM-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 6 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: báo cáo các giao dịch với các bên liên quan đã được HĐQT phê duyệt

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Công ty CP Lương thực Thực phẩm Colusa – Miliket**

- Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 03/NQ-CM-HĐQT ngày 18/4/2025;
- Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 11/NQ-CM-HĐQT ngày 26/6/2026;
- Căn cứ vào nhu cầu thực tế của Công ty;
- Căn cứ theo quy định của pháp luật.

Nhằm phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, đồng thời tuân thủ theo quy định của pháp luật đối với giao dịch của Công ty với các bên có liên quan, Hội đồng quản trị đã họp và ban hành Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 11/NQ-CM-HĐQT ngày 26/6/2026 về việc:

1. Thông qua báo cáo các Hợp đồng / giao dịch đã thực hiện trong năm 2025 với các bên liên quan có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất, cụ thể như sau:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa	Người có liên quan của người nội bộ. Cổ đông lớn	1. Mesa phân phối sản phẩm của Công ty. Giá trị giao dịch: 77.652.526.936 đồng 2. Chi cổ tức năm 2024: 1.252.680.000 đồng
2	Chi nhánh Công ty TNHH dịch vụ và thương mại Mesa	Người có liên quan của người nội bộ	1. CN Mesa gửi hàng tại kho Công ty và lợi tức kinh doanh. Giá trị giao dịch: 978.498.517 đồng. 2. Công ty mua sản phẩm của CN Mesa, sử dụng dịch vụ ăn uống, tham dự sự kiện HOZO 2025. Giá trị giao dịch: 10.689.081.382 đồng
3	Công ty CP Beyond Communication	Người có liên quan của người nội bộ	Beyond thực hiện truyền thông, quảng bá thương hiệu cho Công ty. Giá trị giao dịch: 1.000.000.000 đồng
4	Công ty CP Bánh kẹo Hải Hà	Người có liên quan của người nội bộ	Công ty mua sản phẩm của Công ty Hải Hà. Giá trị giao dịch: 1.492.593 đồng
5	Công ty CP TM và Phát Triển Hải Hà	Người có liên quan của người nội bộ	Công ty mua sản phẩm của Hải Hà. Giá trị giao dịch: 5.200.847 đồng
6	Công ty CP Mesa Coffee	Người có liên quan của người nội bộ	Công ty mua sản phẩm của Mesa Coffee. Giá trị giao dịch: 17.000.000 đồng
7	Công ty CP Nông Nghiệp Plasma Việt Nam	Người có liên quan của người nội bộ	Công ty mua nguyên liệu (gạo) để sản xuất, phục vụ CBCNV Công ty. Giá trị giao dịch: 1.100.151.254 đồng
8	Bà Lưu Thị Tuyết Mai	Chủ tịch HĐQT Công ty	Bà Mai mua sản phẩm của Công ty. Giá trị giao dịch: 33.300.000 đồng



STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
9	Tổng Công ty lương thực Miền Nam – Công ty cổ phần	Người có liên quan của người nội bộ. Cổ đông lớn	1. Tổng Công ty (Cty bột mì Bình Đông) cung cấp bột mì cho Công ty để sản xuất. Giá trị giao dịch 37.552.320.000 đồng 2. Tổng Công ty mua sản phẩm của Công ty. Giá trị giao dịch 148.148.000 đồng 3. Chi cổ tức năm 2024. Giá trị giao dịch: 1.916.720.000 đồng
10	Công ty cổ phần Lương thực thực phẩm Safoco	Công ty con của cổ đông lớn	1. Safoco mua nguyên liệu từ Công ty để sản xuất. Giá trị giao dịch: 522.135.000 đồng 2. Công ty mua sản phẩm của Safoco. Giá trị giao dịch: 11.236.000 đồng
11	Công ty Lương thực Trà Vinh	Chi nhánh của cổ đông lớn	Công ty mua nguyên liệu (gạo) để sản xuất, phục vụ CBCNV Công ty. Giá trị giao dịch: 2.895.343.981 đồng
12	Công ty Lương thực Long An	Chi nhánh của cổ đông lớn	Công ty mua nguyên liệu (gạo) để sản xuất, phục vụ CBCNV Công ty Giá trị giao dịch 3.503.900.000 đồng
13	Công ty Lương thực Tiền Giang	Chi nhánh của cổ đông lớn	Công ty thuê gia công và mua nước suối để phục vụ CBCNV Công ty Giá trị giao dịch 88.934.984 đồng
14	Công ty Lương Thực Thực Phẩm An Giang	Chi nhánh của cổ đông lớn	1. Công ty mua nguyên liệu (gạo) để sản xuất, phục vụ CBCNV Công ty Giá trị giao dịch 2.778.640.000 đồng 2. Công ty LT An Giang mua sản phẩm của Công ty. Giá trị giao dịch: 8.554.500 đồng
15	Công ty Lương Thực Bến Tre	Chi nhánh của cổ đông lớn	Công ty mua nguyên liệu (gạo) để sản xuất mẫu Giá trị giao dịch 2.250.000 đồng
16	Công ty CP Sài Gòn Lương Thực	Người có liên quan của người nội bộ. Công ty con của cổ đông lớn	1. Sài Gòn Lương Thực phân phối sản phẩm của Công ty. Giá trị giao dịch: 1.207.010.615 đồng 2. Công ty mua sản phẩm (gạo) để phục vụ CBCNV Công ty. Giá trị giao dịch: 64.200.000 đồng
17	Công ty CP Lương thực Nam Trung Bộ	Người có liên quan của người nội bộ. Công ty con của cổ đông lớn	Công ty thuê xe tải để phục vụ giao hàng Giá trị giao dịch 132.000.000 đồng
18	Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên	Người có liên quan của người nội bộ. Cổ đông lớn (thời điểm năm 2025)	Chi cổ tức năm 2024. Giá trị giao dịch: 1.248.000.000 đồng
19	Công ty TNHH sản xuất kinh doanh bao bì carton gấp nếp Vina Toyo	Đơn vị liên doanh của Cổ đông lớn của Công ty (thời điểm năm 2025)	1. Công ty mua bao bì để sản xuất. Giá trị giao dịch: 9.023.151.863 đồng 2. Vina Toyo mua sản phẩm của Công ty. Giá trị giao dịch: 20.423.280 đồng
20	Công ty CP đào tạo và huấn luyện phát triển doanh nghiệp TC	Người có liên quan của người nội bộ	Công ty thuê để đào tạo và huấn luyện cho NV Thị trường của Công ty Giá trị giao dịch 162.500.000 đồng
21	Trần Hoàng Ngân	Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty	Ông Ngân mua sản phẩm của Công ty. Giá trị giao dịch: 24.272.080 đồng

2. Thông qua Kế hoạch thực hiện các Hợp đồng / giao dịch giữa Công ty và các bên liên quan phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày trong năm 2026 có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất như sau:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Dự kiến nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa	Người có liên quan của người nội bộ. Cổ đông lớn	Mesa phân phối sản phẩm của Công ty. Giá trị giao dịch dự kiến: 80 tỷ đồng
2	Chi nhánh Công ty TNHH dịch vụ và thương mại Mesa	Người có liên quan của người nội bộ	1. CN Mesa gửi hàng tại kho Công ty và lợi tức kinh doanh. Giá trị giao dịch dự kiến: 1 tỷ đồng. 2. Công ty mua sản phẩm, sử dụng dịch vụ của CN Mesa. Giá trị giao dịch dự kiến: 11 tỷ đồng
3	Công ty CP Beyond Communication	Người có liên quan của người nội bộ	Beyond thực hiện truyền thông, quảng bá thương hiệu cho Công ty. Giá trị giao dịch dự kiến: 3 tỷ đồng
4	Công ty CP Bánh kẹo Hải Hà	Người có liên quan của người nội bộ	Công ty mua sản phẩm của Công ty Hải Hà. Giá trị giao dịch dự kiến: 1,5 tỷ đồng
5	Công ty CP TM và Phát Triển Hải Hà	Người có liên quan của người nội bộ	Công ty mua sản phẩm của Hải Hà. Giá trị giao dịch dự kiến: 10 triệu đồng
6	Công ty CP Mesa Coffee	Người có liên quan của người nội bộ	Công ty mua sản phẩm của Mesa Coffee. Giá trị giao dịch dự kiến: 20 triệu đồng
7	Công ty CP Nông Nghiệp Plasma Việt Nam	Người có liên quan của người nội bộ	Công ty mua nguyên liệu (gạo) để sản xuất, phục vụ CBCNV Công ty. Giá trị giao dịch dự kiến: 1,5 tỷ đồng
8	Bà Lưu Thị Tuyết Mai	Chủ tịch HĐQT Công ty	Bà Mai mua sản phẩm của Công ty. Giá trị giao dịch dự kiến: 40 triệu đồng
9	Tổng Công ty Lương thực Miền Nam – Công ty cổ phần	Người có liên quan của người nội bộ. Cổ đông lớn	1. Tổng Công ty (Cty bột mì Bình Đông) cung cấp bột mì cho Công ty để sản xuất. Giá trị giao dịch dự kiến: 38 tỷ đồng 2. Tổng Công ty mua sản phẩm của Công ty. Giá trị giao dịch dự kiến: 150 triệu đồng
10	Công ty cổ phần Lương thực thực phẩm Safoco	Công ty con của cổ đông lớn	1. Safoco mua nguyên liệu từ Công ty để sản xuất. Giá trị giao dịch dự kiến: 600 triệu đồng 2. Công ty mua sản phẩm của Safoco. Giá trị giao dịch dự kiến: 15 triệu đồng
11	Công ty Lương thực Trà Vinh	Chi nhánh của cổ đông lớn	Công ty mua nguyên liệu (gạo) để sản xuất, phục vụ CBCNV Công ty. Giá trị giao dịch dự kiến: 3 tỷ đồng
12	Công ty Lương thực Long An	Chi nhánh của cổ đông lớn	Công ty mua nguyên liệu (gạo) để sản xuất, phục vụ CBCNV Công ty. Giá trị giao dịch dự kiến: 3,7 tỷ đồng
13	Công ty Lương thực Tiền Giang	Chi nhánh của cổ đông lớn	Công ty thuê gia công và mua nước suối để phục vụ CBCNV Công ty. Giá trị giao dịch dự kiến: 100 triệu đồng
14	Công ty Lương Thực Thực Phẩm An Giang	Chi nhánh của cổ đông lớn	1. Công ty mua nguyên liệu (gạo) để sản xuất, phục vụ CBCNV Công ty. Giá trị giao dịch dự kiến: 2,8 tỷ đồng 2. Công ty LT An Giang mua sản phẩm của Công ty. Giá trị giao dịch dự kiến: 10 triệu đồng

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Dự kiến nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
15	Công ty Lương Thực Bến Tre	Chi nhánh của cổ đông lớn	Công ty mua nguyên liệu (gạo) để sản xuất mẩu. Giá trị giao dịch dự kiến: 10 triệu đồng
16	Công ty CP Sài Gòn Lương Thực	Người có liên quan của người nội bộ. Công ty con của cổ đông lớn	1. Sài Gòn Lương Thực phân phối sản phẩm của Công ty. Giá trị giao dịch dự kiến: 1,3 tỷ đồng 2. Công ty mua sản phẩm (gạo) để phục vụ CBCNV Công ty. Giá trị giao dịch dự kiến: 70 triệu đồng
17	Công ty CP Lương thực Nam Trung Bộ	Người có liên quan của người nội bộ. Công ty con của cổ đông lớn	Công ty thuê xe tải để phục vụ giao hàng. Giá trị giao dịch dự kiến: 200 triệu đồng
18	Công ty CP đào tạo và huấn luyện phát triển doanh nghiệp TC	Người có liên quan của người nội bộ	Công ty thuê để đào tạo và huấn luyện cho NV Thị trường của Công ty. Giá trị giao dịch dự kiến: 170 triệu đồng
19	Trần Hoàng Ngân	Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty	Ông Ngân mua sản phẩm của Công ty. Giá trị giao dịch dự kiến: 30 triệu đồng
20	Công ty CP Thái Nga Đồng Nai	Công ty con của cổ đông lớn	Công ty tạm ứng tiền thuê đất cho Thái Nga để có cơ sở thiết kế cho dự án nhà máy mới. Giá trị giao dịch dự kiến: 50 tỷ đồng

Và các Hợp đồng / giao dịch khác giữa Công ty với các bên liên quan (là các đơn vị trực thuộc / thành viên của Công ty TNHH dịch vụ và thương mại Mesa, Tổng Công ty lương thực Miền Nam và các bên liên quan khác) về việc mua sản phẩm của Công ty hoặc Công ty mua sản phẩm / sử dụng dịch vụ trong năm 2026 với giá trị của các Hợp đồng / Giao dịch nói trên nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong Báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất.

Kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ thường niên 2026;
- HĐQT;
- BKS;
- Ban TGD;
- Lưu: VT, Thư ký.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Lưu Thị Tuyết Mai



**CÔNG TY CỔ PHẦN
LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM
COLUSA - MILIKET**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 09/TTr-CM-BKS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 6 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: đề nghị chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Công ty CP Lương thực Thực phẩm Colusa – Miliket**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán 2019;
- Căn cứ Luật Kế toán 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Lương thực Thực phẩm Colusa – Miliket.

Nhằm giúp cho việc công bố thông tin ra công chúng về tình hình tài chính của Công ty được chính xác và minh bạch, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty CP Lương thực Thực phẩm Colusa – Miliket năm 2026 với các nội dung sau:

1. Tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập:

- Chọn đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín được phép hoạt động tại Việt Nam, được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, niêm yết và kinh doanh chứng khoán;
- Không xung đột quyền lợi khi kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty (việc kiểm toán phải được độc lập với việc tư vấn lập Báo cáo tài chính);
- Có nhiều kinh nghiệm kiểm toán đối với các công ty đại chúng tại Việt Nam;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng kiểm toán và phạm vi kiểm toán do Công ty yêu cầu.

2. Đề xuất các đơn vị kiểm toán độc lập:

Với các tiêu thức lựa chọn như trên, Ban Kiểm soát xin đề xuất 04 (bốn) đơn vị kiểm toán để đưa vào danh sách lựa chọn việc cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính trong năm tài chính 2026 của Công ty, như sau:

- Công ty TNHH KPMG Việt Nam – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh;
- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
- Công ty TNHH PwC Việt Nam.

3. Ý kiến của Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội cổ đông thông qua:

- Các tiêu thức lựa chọn và danh sách 04 (bốn) Công ty kiểm toán độc lập nêu trên để làm căn cứ lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty.
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các Công ty kiểm toán theo đề xuất của Ban Kiểm soát và giao cho Tổng Giám Đốc ký hợp đồng cung cấp dịch vụ với đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 cho Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thống nhất thông qua.
Trân trọng./.

Nơi nhận:

- ĐHQĐ thường niên 2026;
- HĐQT;
- BKS;
- Ban TGD;
- Lưu: VT, Thư ký.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Hoàng Hùng

QUY CHẾ
ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ BỔ SUNG
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
(Nhiệm Kỳ 2023 - 2028)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Colusa – Miliket;
- Thông báo số 01/TB-CM-HĐQT ngày 12/5/2026 của Hội đồng quản trị Công ty về việc đề cử, ứng cử để bầu bổ sung thành viên HĐQT, thành viên BKS Công ty nhiệm kỳ 2023 – 2028,

Ban tổ chức Đại hội công bố Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028 tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Colusa - Miliket như sau:

I. Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt

- Công ty : Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Colusa - Miliket
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)

II. Chủ tọa tại đại hội:

Chủ tọa tại đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những việc cụ thể là:

- Giới thiệu danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT, BKS;
- Giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu;
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có)

III. Quy chế đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, thành viên BKS:

- Số lượng thành viên HĐQT bầu bổ sung: 01 người



- Số lượng thành viên BKS bầu bổ sung: 01 người
- Nhiệm kỳ: là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ 2023 – 2028
- Số lượng ứng cử viên thành viên HĐQT, thành viên BKS tối đa: không hạn chế.

1. Quyền đề cử, ứng cử: (theo Điều 36 Điều lệ công ty)

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT, BKS. Số lượng ứng viên mà cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề cử thực hiện như sau:

- Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Ứng cử viên được đề cử phải có đủ các tiêu chuẩn nêu tại mục 2 dưới đây.

Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT, BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS.

2. Tiêu chuẩn chung đối với thành viên HĐQT và thành viên BKS:

Các ứng cử viên thành viên HĐQT, thành viên BKS phải đáp ứng tiêu chuẩn chung sau đây:

* Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp, cụ thể:

1. Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức, trừ trường hợp được thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

2. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt

Nam, trừ người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp hoặc quản lý tại doanh nghiệp nhà nước;

3. Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 88 của Luật doanh nghiệp, trừ người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;

4. Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; người bị mất năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; tổ chức không có tư cách pháp nhân;

5. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; các trường hợp khác theo quy định của Luật Phá sản, Luật Phòng, chống tham nhũng.

3. Tiêu chuẩn đối với thành viên HĐQT:

Ngoài các tiêu chuẩn chung tại Mục 2 nói trên, thành viên HĐQT phải có đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 25 Điều lệ Công ty, Điều 6 Quy chế hoạt động của HĐQT, Điều 21 Quy chế quản trị nội bộ, khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp, Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP (được sửa đổi bổ sung bởi Khoản 78 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP), cụ thể:

1. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

2. Chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác;

3. Không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty.

4. Tiêu chuẩn đối với thành viên BKS:

Ngoài các tiêu chuẩn chung tại Mục 2 nói trên, thành viên BKS phải có đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 37 Điều lệ Công ty, Điều 6 Quy chế hoạt động của BKS, Điều 44 Quy chế quản trị nội bộ, Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều 286 Nghị định 155/2020/NĐ-CP, cụ thể:

1. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

2. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

3. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;

4. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

IV. Nguyên tắc bầu cử:

- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Quyền bầu cử được tính theo số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu. Kết quả bầu cử được



tính trên số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Mỗi lần bầu cử, một đại biểu cổ đông chỉ được sử dụng một phiếu bầu tương ứng với số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu.

- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đoàn đề cử và được Đại hội thông qua. Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Ban kiểm soát.

V. Phương thức bầu cử:

- Danh sách ứng cử viên HĐQT, BKS được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

- Phương thức bầu cử: (Theo Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020)

- Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu: theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT, BKS.
- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- Mỗi cổ đông dự họp được cấp một phiếu bầu HĐQT và một phiếu bầu BKS. Đại biểu khi được phát phiếu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu.
- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu).
- Cách ghi Phiếu bầu cử:
 - ✓ Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số thành viên cần bầu;
 - ✓ Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc chia đều toàn bộ số phiếu cho các ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô **“Bầu dồn đều phiếu”** của các ứng viên tương ứng.
 - ✓ Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho từng ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô **“Số phiếu bầu”** của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý:

Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô **“Bầu dồn đều phiếu”** vừa ghi số lượng ở ô số phiếu bầu thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô **“Số phiếu bầu”**.

- Phiếu bầu cử sẽ được bỏ vào thùng phiếu đã được niêm phong trước khi tiến hành kiểm phiếu.

- Phiếu bầu hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, có đóng dấu đỏ của Công ty, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu.

- Các phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:

- Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu;
- Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu đỏ của

công ty, hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài qui định cho phiếu bầu;

- Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng thành viên cần bầu;
- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của các đại biểu lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
- Không có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự.

- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với chủ tọa đoàn giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).

- Phiếu bầu cử sau khi kiểm sẽ được lưu trữ theo quy định và mở ra theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông của công ty.

VI. Nguyên tắc trúng cử lựa chọn các ứng cử viên:

- Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

- Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

VII. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử để bầu vào HĐQT, BKS:

Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào HĐQT, BKS bao gồm:

- Đơn xin ứng cử/đề cử để bầu vào HĐQT/BKS (theo mẫu).

- Sơ yếu lý lịch (theo mẫu).

- Bản sao các giấy tờ sau: CCCD/Hộ chiếu.

- Bản sao hợp lệ các văn bằng, chứng chỉ chứng minh trình độ học vấn, chuyên môn của ứng viên.

- Văn bản xác nhận tỷ lệ sở hữu cổ phần (đối với Cổ đông/Nhóm cổ đông thực hiện quyền đề cử). Người đề cử phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

Các mẫu trên được đăng tải trên website: www.comifood.com (Mục: Cổ đông) từ ngày 12 tháng 5 năm 2026.

Để tạo điều kiện cho công tác tổ chức Đại hội, hồ sơ xin gửi về Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket trước **16h00 ngày 02/6/2026**.

Nếu trong trường hợp các ứng cử viên được các nhóm cổ đông đề cử ngay tại Đại hội, vui lòng gửi hồ sơ đề cử về cho Thư ký Đại hội trước khi tiến hành bầu cử.

Quy chế này có hiệu lực thực hiện ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trên đây là toàn bộ Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản



trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 của Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2026.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2026;
- HĐQT;
- BKS;
- Ban TGD;
- Lưu: VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lưu Thị Tuyết Mai



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-----o0o-----

SƠ YẾU LÝ LỊCH

CỦA ỨNG VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CP LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM COLUSA – MILIKET

BẦU BỔ SUNG NHIỆM KỲ 2023 - 2028



1/ Họ và tên:	NGUYỄN CHÍ THẠCH
2/ Giới tính:	Nam
3/ Ngày tháng năm sinh:	05/10/1984
4/ Nơi sinh:	Đồng Nai
5/ CCCD/Hộ chiếu:	
6/ Quốc tịch:	Việt Nam
7/ Dân tộc:	Kinh
8/ Địa chỉ thường trú:	
9/ Số điện thoại:	
10/ Địa chỉ email:	
11/ Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Luật (Đại học Kinh tế Luật – ĐH Quốc Gia TPHCM) Cử nhân Tài chính – Ngân hàng (Đại học Kinh tế TPHCM)
12/ Quá trình công tác:	+ Từ 2008 đến 2010: Pháp Lý - Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) + Từ 2011 đến 2014: Pháp Lý - Công Ty Luật TNHH ANFA + Từ đến: Nam Từ 2015 đến 2022: Trưởng Phòng Pháp Lý - Công Ty CP Thanh Mỹ Lợi + Từ 2023 đến nay: Giám đốc Pháp Lý - Công Ty CP Thanh Mỹ Lợi + Từ 2020 đến nay: Thành viên HĐQT - Công Ty CP Thanh Mỹ Lợi + Từ 2020 đến 2021: Tổng Giám Đốc, Thành viên HĐQT - Công Ty CP Hoàn Cầu Nha Trang + Từ 2020 đến 2024: Thành viên HĐQT - Công Ty CP Đầu Tư và Phát Triển Long Hương

13/ Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT/HĐTV của công ty khác)	Giám đốc Pháp lý, thành viên HĐQT – Công ty CP Thanh Mỹ Lợi
14/ Tổng số CP nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ, trong đó:	
+ Đại diện phần vốn của (tên tổ chức là cổ đông Nhà nước/cổ đông chiến lược/ khác):	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
15/Các cam kết nắm giữ (nếu có)	
16/Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của công ty:	Không
17/ Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không
18/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-----o0o-----

SƠ YẾU LÝ LỊCH



CỦA ỨNG VIÊN THAM GIA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CP LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM COLUSA – MILIKET
BẦU BỔ SUNG NHIỆM KỲ 2023 - 2028

1/ Họ và tên:	NGUYỄN NGÔ THỊ TRÚC MY
2/ Giới tính:	Nữ
3/ Ngày tháng năm sinh:	01/03/1987
4/ Nơi sinh:	Tỉnh Lâm Đồng
5/ CCCD/Hộ chiếu:	
6/ Quốc tịch:	Việt Nam
7/ Dân tộc:	Kinh
8/ Địa chỉ thường trú:	
9/ Số điện thoại:	
10/ Địa chỉ email:	
11/ Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kế Toán (Đại Học Lạc Hồng) Cử nhân Luật (Đại Học Luật TP. HCM) Thạc sĩ Tài Chính (Đại Học Mở TP. HCM)
12/ Quá trình công tác:	+ Từ 2010 đến 2022: Nhân viên Kế toán - Công Ty TNHH Dịch Vụ Và Thương Mại Mesa + Từ 2022 đến 2025: CV Phân tích Đầu tư – Tài chính Công Ty Cổ Phần Thạnh Mỹ Lợi + Từ 2026 đến nay: Phụ trách Đầu tư – Tài chính Công Ty Cổ Phần Thạnh Mỹ Lợi
13/ Các chức danh quản lý khác	<i>Không có</i>
14/ Tổng số CP nắm giữ (chốt ngày 01/06/2026): 11,300 cổ phần, chiếm 0.235% vốn điều lệ, trong đó:	
+ Đại diện phần vốn của (tên tổ chức là cổ đông Nhà nước/cổ đông chiến lược/ khác):	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	11,300 cổ phần, chiếm 0.235% vốn điều lệ
15/Các cam kết nắm giữ (nếu có)	
16/Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của công ty:	Không

17/ Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không
18/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không



1. Họ và tên:	NGUYỄN NGỌC THỊ THỰC MIY
2. Giới tính:	Nữ
3. Ngày tháng năm sinh:	01/01/1987
4. Nơi sinh:	Tỉnh Lâm Đồng
5. CCCD/Hộ chiếu:	060187008207 cấp ngày 14/03/2023
6. Quốc tịch:	Việt Nam
7. Đơn vị:	Kinh
8. Địa chỉ thường trú:	Tổ 30, Khu phố 5, Phường Bình Thuận, Tỉnh Lâm Đồng
9. Số điện thoại:	0909 768807
10. Địa chỉ email:	Nguyennm1318@gmail.com
11. Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kế Toán (Đại Học Lạc Hồng) Cử nhân Luật (Đại Học Luật TP. HCM) Thạc sĩ Tài Chính (Đại Học Mở TP. HCM)
12. Quá trình công tác:	+ Từ 2010 đến 2023: Nhân viên Kế toán - Công ty TNHH Dịch vụ VA Thương Mại Miền + Từ 2022 đến 2023: GV Phụ trách Đào tạo - Trường Cao đẳng Công Nghệ Thương Mại Mỹ Lợi + Từ 2020 đến nay: Phụ trách Đào tạo - Trường Cao đẳng Công Nghệ Thương Mại Mỹ Lợi
13. Các chức danh quản lý khác:	Không có
14. Thông tin nắm giữ cổ phần (nếu có):	Không có
15. Tình hình nắm giữ cổ phần (nếu có):	Không nắm giữ cổ phần
16. Các khoản nợ khác (nếu có):	Không có
17. Thông tin khác có liên quan:	Không



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM
COLUSA - MILIKET
BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH ĐẠI BIỂU

**BÁO CÁO DANH SÁCH ĐẠI BIỂU THAM DỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM COLUSA - MILIKET**

Hôm nay, vào lúc **09 giờ 00 phút**, ngày 30 tháng 06 năm 2026, tại CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM COLUSA -MILIKET, 1230 Kha Vạn Cân, phường Linh Xuân, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, Ban kiểm tra tư cách đại biểu lập báo cáo danh sách đại biểu nhận tham dự Đại hội.

Ban kiểm tra tư cách đại biểu gồm:

Ông: **Nguyễn Tường Pha** Chức vụ: Trưởng ban kiểm tra tư cách đại biểu
Ông: **Nguyễn Thanh Vũ** Chức vụ: Thành viên
Ông: **Trần Hiếu** Chức vụ: Thành viên

Danh sách chi tiết như sau:

STT	Mã Đại biểu	Họ và tên	Tình trạng tham dự	Số lượng CP sở hữu	Số lượng CP nhận ủy quyền	Tổng số lượng	Tỉ lệ	Thời gian
01	CMN.12663000083	LƯU THỊ TUYẾT MAI	Trực tiếp	1670	1035500	1035500	21,57%	
02	CMN.12663000263	TRẦN HOÀNG NGÂN	Trực tiếp	1050	958950	995450	20,74%	
03	CMN.62663000006	HOÀNG NGỌC THANH	Trực tiếp	0	480000	480000	10,00%	
04	CMN.12663000287	TRỊNH VIỆT DŨNG	Trực tiếp	466100	0	466100	9,71%	
05	CMN.12663000226	PHAN VĂN HÙNG	Trực tiếp	28601	0	28601	0,60%	
06	CMN.12663000050	LÊ TRUNG CHÍNH	Trực tiếp	7400	0	7400	0,15%	
07	CMN.12663000195	NGUYỄN TRIẾT	Trực tiếp	6600	0	6600	0,14%	
08	CMN.12663000215	NGÔ KIM PHƯỢNG	Trực tiếp	6200	0	6200	0,13%	
09	CMN.12663000149	NGUYỄN HẠNH TUYỀN	Trực tiếp	4400	0	4400	0,09%	
10	CMN.12663000318	VŨ VĂN ĐẠT	Trực tiếp	3700	0	3700	0,08%	
11	CMN.12663000276	TRẦN THỊ THANH THỦY	Trực tiếp	2600	0	2600	0,05%	
12	CMN.52663000147	NGUYỄN HỮU ĐÔNG	Trực tiếp	0	2000	2000	0,04%	
13	CMN.12663000164	NGUYỄN NHỰT TÂN	Trực tiếp	1900	0	1900	0,04%	
14	CMN.12663000177	NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT	Trực tiếp	1600	0	1600	0,03%	
15	CMN.12663000240	PHAN VĂN KHÔI	Trực tiếp	1300	0	1300	0,03%	



STT	Mã Đại biểu	Họ và tên	Tình trạng tham dự	Số lượng CP sở hữu	Số lượng CP nhận ủy quyền	Tổng số lượng	Tỉ lệ	Thời gian
16	CMN.12663000226	PHẠM NGỌC HÙNG	Trực tiếp	1000	0	1000	0,02%	
17	CMN.12663000198	NGUYỄN TẤN PHÁT	Trực tiếp	900	0	900	0,02%	
18	CMN.12663000216	NGÔ NGỌC VINH	Trực tiếp	900	0	900	0,02%	
19	CMN.12663000326	ĐINH HÙNG PHONG	Trực tiếp	600	0	600	0,01%	
20	CMN.12663000257	QUANG THANH MỸ	Trực tiếp	400	0	400	0,01%	
21	CMN.52663000056	PHẠM THỊ THÚY HẰNG	Trực tiếp	0	110	110	0,00%	
22	CMN.12663000316	VŨ TÁT THẮNG	Trực tiếp	20	0	20	0,00%	
23	CMN.12663000258	QUÁCH MAI LAN	Trực tiếp	5	0	5	0,00%	
24	CMN.12663000181	NGUYỄN THỊ MỸ NƯƠNG	Trực tiếp	1	0	1	0,00%	
25	CMN.12663000107	NGUYỄN SONG TOÀN	Trực tiếp	1	0	1	0,00%	
26	CMN.52663000325	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	Trực tiếp	0	1	1	0,00%	
27	CMN.52663000268	ĐOÀN THỊ HẰNG NGA	Trực tiếp	0	2	2	0,00%	
Tổng:				536.948	2.476.563	3.047.291	63,49%	


Ngày 30 tháng 06 năm 2026

TM. BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH

ĐẠI BIỂU TRƯỞNG BAN


THÀNH VIÊN

(Ký, ghi rõ họ tên)


Trần Hữu

THÀNH VIÊN

(Ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thanh Vũ

(Ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Tấn Phát



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM
COLUSA - MILIKET
BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH ĐẠI BIỂU

**BÁO CÁO DANH SÁCH ĐẠI BIỂU THAM DỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM COLUSA - MILIKET**

Hôm nay, vào lúc **11 giờ 46 phút**, ngày 30 tháng 06 năm 2026, tại CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM COLUSA -MILIKET, 1230 Kha Vạn Cân, phường Linh Xuân, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, Ban kiểm tra tư cách đại biểu lập báo cáo danh sách đại biểu nhận tham dự Đại hội.

Ban kiểm tra tư cách đại biểu gồm:

Ông: **Nguyễn Tường Pha** Chức vụ: Trưởng ban kiểm tra tư cách đại biểu
Ông: **Nguyễn Thanh Vũ** Chức vụ: Thành viên
Ông: **Trần Hiếu** Chức vụ: Thành viên

Danh sách chi tiết như sau:

STT	Mã Đại biểu	Họ và tên	Tình trạng tham dự	Số lượng CP sở hữu	Số lượng CP nhận ủy quyền	Tổng số lượng	Tỉ lệ	Thời gian
01	CMN.12663000083	LƯU THỊ TUYẾT MAI	Trực tiếp	1670	1035500	1035500	21,57%	
02	CMN.12663000263	TRẦN HOÀNG NGÂN	Trực tiếp	1050	958950	995450	20,74%	
03	CMN.62663000002	HỒ ĐẮC KHUÊ ANH	Trực tiếp	0	960000	960000	20,00%	
04	CMN.62663000006	HOÀNG NGỌC THANH	Trực tiếp	0	480000	480000	10,00%	
05	CMN.12663000287	TRỊNH VIỆT DŨNG	Trực tiếp	466100	0	466100	9,71%	
06	CMN.52663000038	NGUYỄN HOÀNG LONG	Trực tiếp	0	55600	55600	1,16%	
07	CMN.12663000226	PHAN VĂN HÙNG	Trực tiếp	28601	0	28601	0,60%	
08	CMN.12663000031	HÀ MINH NHỰT	Trực tiếp	18500	0	18500	0,39%	
09	CMN.52663000038	NGUYỄN HOÀNG LONG	Trực tiếp	13400	0	13400	0,28%	
10	CMN.12663000264	TRẦN QUỐC THÁI	Trực tiếp	8200	0	8200	0,17%	
11	CMN.12663000050	LÊ TRUNG CHÍNH	Trực tiếp	7400	0	7400	0,15%	
12	CMN.12663000195	NGUYỄN TRIẾT	Trực tiếp	6600	0	6600	0,14%	
13	CMN.12663000215	NGÔ KIM PHƯƠNG	Trực tiếp	6200	0	6200	0,13%	
14	CMN.12663000149	NGUYỄN HẠNH TUYỀN	Trực tiếp	4400	0	4400	0,09%	
15	CMN.12663000318	VŨ VĂN ĐẠT	Trực tiếp	3700	0	3700	0,08%	



STT	Mã Đại biểu	Họ và tên	Tình trạng tham dự	Số lượng CP sở hữu	Số lượng CP nhận ủy quyền	Tổng số lượng	Tỉ lệ	Thời gian
16	CMN.12663000276	TRẦN THỊ THANH THỦY	Trực tiếp	2600	0	2600	0,05%	
17	CMN.52663000147	NGUYỄN HỮU ĐỒNG	Trực tiếp	0	2000	2000	0,04%	
18	CMN.12663000164	NGUYỄN NHỰT TÂN	Trực tiếp	1900	0	1900	0,04%	
19	CMN.12663000177	NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT	Trực tiếp	1600	0	1600	0,03%	
20	CMN.12663000240	PHAN VĂN KHÔI	Trực tiếp	1300	0	1300	0,03%	
21	CMN.12663000226	PHẠM NGỌC HÙNG	Trực tiếp	1000	0	1000	0,02%	
22	CMN.12663000198	NGUYỄN TẤN PHÁT	Trực tiếp	900	0	900	0,02%	
23	CMN.12663000216	NGÔ NGỌC VINH	Trực tiếp	900	0	900	0,02%	
24	CMN.12663000284	TRẦN ĐỖ THỦY LINH	Trực tiếp	700	0	700	0,01%	
25	CMN.12663000326	ĐINH HÙNG PHONG	Trực tiếp	600	0	600	0,01%	
26	CMN.12663000257	QUANG THANH MỸ	Trực tiếp	400	0	400	0,01%	
27	CMN.52663000056	PHẠM THỊ THỦY HẰNG	Trực tiếp	0	110	110	0,00%	
28	CMN.12663000176	NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG	Trực tiếp	100	0	100	0,00%	
29	CMN.12663000316	VŨ TẤT THẮNG	Trực tiếp	20	0	20	0,00%	
30	CMN.52663012021	NGUYỄN ĐỨC KỶ	Trực tiếp	0	9	9	0,00%	
31	CMN.52663000097	NGUYỄN THỊ CẨM TÚ	Trực tiếp	0	2	2	0,00%	
32	CMN.12663000328	ĐOÀN CHU TOÀN	Trực tiếp	2	0	2	0,00%	
33	CMN.12663000181	NGUYỄN THỊ MỸ NƯƠNG	Trực tiếp	1	0	1	0,00%	
34	CMN.12663000107	NGUYỄN SONG TOÀN	Trực tiếp	1	0	1	0,00%	
35	CMN.12663000322	ĐOÀN THANH HÀ	Trực tiếp	1	0	1	0,00%	
36	CMN.52663000268	ĐOÀN THỊ HẰNG NGA	Trực tiếp	0	2	2	0,00%	
37	CMN.12663000039	HỨA NGỌC SƠN	Trực tiếp	1	0	1	0,00%	
38	CMN.52663000010	NGUYỄN TÔNG TRÍ	Trực tiếp	1	0	1	0,00%	
Tổng:				577.848	3.492.173	4.103.801	85,50%	

Ngày 30 tháng 06 năm 2026

T.M. BAN KIỂM TRA TỰ CÁCH

ĐẠI BIỂU TRƯỞNG BAN

THÀNH VIÊN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Trần Hiền

THÀNH VIÊN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thanh Vũ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Đình Phan



CTCP LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM
COLUSA – MILIKET
BAN KIỂM PHIẾU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 CTCP Lương thực Thực phẩm Colusa – Miliket

Hôm nay, vào lúc 11 giờ 45 phút, ngày 30 tháng 6 năm 2026, tại CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM COLUSA -MILIKET, 1230 Kha Vạn Cân, phường Linh Xuân, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu và lập biên bản với thành phần như sau:

Ông : **Trần Hiếu** Chức vụ : Trưởng ban kiểm phiếu
Ông : **Nguyễn Tường Pha** Chức vụ : Thành viên ban kiểm phiếu
Ông : **Nguyễn Thanh Vũ** Chức vụ : Thành viên ban kiểm phiếu

Đã tiến hành kiểm phiếu các nội dung biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của CTCP Lương thực Thực phẩm Colusa – Miliket.

Tổng số đại biểu tham dự họp lệ: **38**

Số lượng đại biểu trực tiếp tham dự: **26** Số lượng đại biểu nhận ủy quyền: **12** Số cổ đông ủy quyền tương ứng: **13**

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết do đại biểu tham dự đại diện: **4.103.801** phiếu biểu quyết

Tỷ lệ so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty: **85,50%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

Kết quả kiểm phiếu:

Tổng số tờ phiếu phát ra: **38** đại diện cho **4.103.801** phiếu biểu quyết, chiếm **100,00%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu thu về: **36** đại diện cho **4.075.199** phiếu biểu quyết, chiếm **99,30%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không thu về: **2** đại diện cho **28.602** phiếu biểu quyết, chiếm **0,70%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết quả kiểm phiếu chi tiết từng nội dung như sau:

BQ1: Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026

Nội dung	Số cổ phần	Tỷ lệ trên CP tham dự và biểu quyết	Ghi chú
Hợp lệ	4.075.084	99,97%	
Tán thành	4.075.084	99,97%	
Không tán thành	0	0.00%	
Không có ý kiến	0	0.00%	
Không hợp lệ	115	0,03%	

BQ2: Báo cáo của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Nội dung	Số cổ phần	Tỷ lệ trên CP tham dự và biểu quyết	Ghi chú
Hợp lệ	4.075.084	99,97%	
Tán thành	4.075.084	99,97%	
Không tán thành	0	0.00%	
Không có ý kiến	0	0.00%	
Không hợp lệ	115	0,03%	



BQ3: Báo cáo của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Nội dung	Số cổ phần	Tỷ lệ trên CP tham dự và biểu quyết	Ghi chú
Hợp lệ	4.075.084	99,97%	
Tán thành	4.075.084	99,97%	
Không tán thành	0	0.00%	
Không có ý kiến	0	0.00%	
Không hợp lệ	115	0,03%	

BQ4: Thông qua kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025

Nội dung	Số cổ phần	Tỷ lệ trên CP tham dự và biểu quyết	Ghi chú
Hợp lệ	4.075.084	99,97%	
Tán thành	4.075.084	99,97%	
Không tán thành	0	0.00%	
Không có ý kiến	0	0.00%	
Không hợp lệ	115	0,03%	

BQ5: Tờ trình thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026

Nội dung	Số cổ phần	Tỷ lệ trên CP tham dự và biểu quyết	Ghi chú
Hợp lệ	4.075.084	99,97%	
Tán thành	4.075.084	99,97%	
Không tán thành	0	0.00%	
Không có ý kiến	0	0.00%	
Không hợp lệ	115	0,03%	

BQ6: Tờ trình báo cáo thù lao thành viên HĐQT, thành viên BKS, Người phụ trách quản trị năm 2025 và kế hoạch thù lao năm 2026

Nội dung	Số cổ phần	Tỷ lệ trên CP tham dự và biểu quyết	Ghi chú
Hợp lệ	4.075.084	99,97%	
Tán thành	4.075.084	99,97%	
Không tán thành	0	0.00%	
Không có ý kiến	0	0.00%	
Không hợp lệ	115	0,03%	

BQ7: Tờ trình về báo cáo các giao dịch với các bên liên quan đã được HĐQT phê duyệt

Nội dung	Số cổ phần	Tỷ lệ trên CP tham dự và biểu quyết	Ghi chú
Hợp lệ	4.075.084	99,97%	
Tán thành	4.075.084	99,97%	
Không tán thành	0	0.00%	
Không có ý kiến	0	0.00%	
Không hợp lệ	115	0,03%	

BQ8: Tờ trình chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026

Nội dung	Số cổ phần	Tỷ lệ trên CP tham dự và biểu quyết	Ghi chú
Hợp lệ	4.075.084	99,97%	
Tán thành	4.075.084	99,97%	
Không tán thành	0	0.00%	
Không có ý kiến	0	0.00%	
Không hợp lệ	115	0,03%	

BQ9: Báo cáo kết quả thực hiện các công việc đã được ĐHCĐ giao

Nội dung	Số cổ phần	Tỷ lệ trên CP tham dự và biểu quyết	Ghi chú
Hợp lệ	4.075.084	99,97%	
Tán thành	4.075.084	99,97%	
Không tán thành	0	0.00%	
Không có ý kiến	0	0.00%	
Không hợp lệ	115	0,03%	

Kết luận: Kết quả trên là số liệu được trích xuất từ hệ thống quét biểu quyết tại thời điểm chốt biên bản. Các phiếu không hợp lệ, nếu có, không được tính vào kết quả biểu quyết của nội dung tương ứng.

THÀNH VIÊN

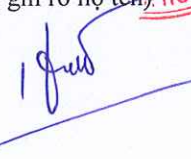
(Ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thanh Vũ**THÀNH VIÊN**

(Ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Tấn Phát**TRƯỞNG BAN**

(Ký, ghi rõ họ tên)


Trần Hữu



CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM COLUSA - MILIKET
BAN KIỂM PHIẾU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BẦU CỬ

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 CTCP Lương thực Thực phẩm Colusa – Miliket

Hôm nay, vào lúc 11 giờ 45 phút, ngày 30 tháng 6 năm 2026, tại CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM COLUSA -MILIKET, 1230 Kha Vạn Cân, phường Linh Xuân, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu và lập biên bản với thành phần như sau:

Ông : **Trần Hiếu** Chức vụ : Trưởng ban kiểm phiếu
Ông : **Nguyễn Tường Pha** Chức vụ : Thành viên ban kiểm phiếu
Ông : **Nguyễn Thanh Vũ** Chức vụ : Thành viên ban kiểm phiếu

Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa – Miliket.

Tổng số đại biểu tham dự hợp lệ: **38**

Số lượng đại biểu trực tiếp tham dự: **26** Số lượng đại biểu nhận ủy quyền: **12** Số cổ đông ủy quyền tương ứng: **13**

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết do đại biểu tham dự đại diện: **4.103.801** phiếu biểu quyết

Tỷ lệ so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty: **85,50%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

Nhóm bầu: BAN KIỂM SOÁT

Số thành viên được bầu: 01

Số ứng cử viên: 01

Số phiếu phát ra: **38** đại diện cho **4.103.801** phiếu biểu quyết, chiếm **100,00%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Số phiếu thu về: **36** đại diện cho **4.075.199** phiếu biểu quyết, chiếm **99,30%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Số phiếu hợp lệ: **34** đại diện cho **4.075.087** phiếu biểu quyết, chiếm **99,97%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Số phiếu không hợp lệ: **02** đại diện cho **112** phiếu biểu quyết, chiếm **0,03%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Số phiếu không thu về: **02** đại diện cho **28.602** phiếu biểu quyết, chiếm **0,70%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu bầu hợp lệ ghi nhận: **4.075.087**

STT	Mã UV	Họ và tên ứng cử viên	Nhóm	Số phiếu	Tỷ lệ	Kết quả
01	UV001	NGUYỄN NGÔ THỊ TRÚC MY	BKS	4.075.087	99,97%	Đề nghị trúng cử

Danh sách đề nghị trúng cử:

1. NGUYỄN NGÔ THỊ TRÚC MY (UV001) – 4.075.087 phiếu

Kết luận: Kết quả trên được lập từ dữ liệu hệ thống tại thời điểm chốt biên bản. Phiếu không hợp lệ đã được tách riêng và không cộng vào tổng phiếu hợp lệ của từng ứng cử viên.

THÀNH VIÊN
(Ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thanh Vũ

THÀNH VIÊN
(Ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Tường Pha

TRƯỞNG BAN
(Ký, ghi rõ họ tên)


Trần Hiếu



CTCP LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM
COLUSA – MILIKET
BAN KIỂM PHIẾU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BẦU CỬ

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 CTCP Lương thực Thực phẩm Colusa – Miliket

Hôm nay, vào lúc 11 giờ 45 phút, ngày 30 tháng 6 năm 2026, tại CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM COLUSA -MILIKET, 1230 Kha Vạn Cân, phường Linh Xuân, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu và lập biên bản với thành phần như sau:

Ông : **Trần Hiếu** Chức vụ : Trưởng ban kiểm phiếu
Ông : **Nguyễn Tường Pha** Chức vụ : Thành viên ban kiểm phiếu
Ông : **Nguyễn Thanh Vũ** Chức vụ : Thành viên ban kiểm phiếu

Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa – Miliket.

Tổng số đại biểu tham dự hợp lệ: 38

Số lượng đại biểu trực tiếp tham dự: 26 Số lượng đại biểu nhận ủy quyền: 12 Số cổ đông ủy quyền tương ứng: 13

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết do đại biểu tham dự đại diện: 4.103.801 phiếu biểu quyết

Tỷ lệ so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty: 85,50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

Nhóm bầu: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số thành viên được bầu: 01

Số ứng cử viên: 01

Số phiếu phát ra: 38 đại diện cho 4.103.801 phiếu biểu quyết, chiếm 100,00% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Số phiếu thu về: 37 đại diện cho 4.075.200 phiếu biểu quyết, chiếm 99,30% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Số phiếu hợp lệ: 36 đại diện cho 4.075.199 phiếu biểu quyết, chiếm 99,99% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Số phiếu không hợp lệ: 01 đại diện cho 01 phiếu biểu quyết, chiếm 0,01% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Số phiếu không thu về: 01 đại diện cho 28.601 phiếu biểu quyết, chiếm 0,70% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu bầu hợp lệ ghi nhận: 4.075.199


STT	Mã UV	Họ và tên ứng cử viên	Nhóm	Số phiếu	Tỷ lệ	Kết quả
01	UV001	NGUYỄN CHÍ THẠCH	HDQT	4.075.199	99,99%	Đề nghị trúng cử

Danh sách đề nghị trúng cử:

1. NGUYỄN CHÍ THẠCH (UV001) – 4.075.199 phiếu

Kết luận: Kết quả trên được lập từ dữ liệu hệ thống tại thời điểm chốt biên bản. Phiếu không hợp lệ đã được tách riêng và không cộng vào tổng phiếu hợp lệ của từng ứng cử viên.


THÀNH VIÊN
(Ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thanh Vũ

THÀNH VIÊN
(Ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Tường Pha

TRƯỞNG BAN
(Ký, ghi rõ họ tên)


Trần Hiếu